

KẾT QUẢ KỶ THI KIỂM TRA TIẾNG ANH ĐỊNH KỶ
DÀNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Ngày thi 14.03.2021 Địa điểm thi: Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng

TT	SBD	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nghe	Đọc	Tổng điểm	Ghi chú
1	100001	110190001	Cải Xuân An	19X1CLC1	08/02/2001	vắng	vắng	vắng	
2	100002	109200060	Hồ Xuân An	20VLXD	07/07/2002	115,0	75,0	190,0	
3	100003	105200077	Hoàng Hữu An	20D1	19/12/2002	75,0	135,0	210,0	
4	100004	109200114	Lê Thái An	20X3	24/12/2002	110,0	75,0	185,0	
5	100005	105190001	Lưu Đức An	19DCLC1	01/07/2001	135,0	95,0	230,0	
6	100006	109200115	Nguyễn Ngọc Trường An	20X3	27/08/2002	85,0	175,0	260,0	
7	100007	101190319	Nguyễn Văn Thành An	19CDTCLC2	04/09/2001	160,0	200,0	360,0	
8	100008	101200078	Nguyễn Việt Mai An	20C1B	28/06/2002	110,0	120,0	230,0	
9	100009	101190427	Phan Việt Thành An	19CDTCLC4	16/10/2001	150,0	130,0	280,0	
10	100010	105190045	Trương Thành An	19DCLC2	23/03/2001	110,0	120,0	230,0	
11	100011	105190089	Trương Văn Bình An	19DCLC3	13/09/2001	230,0	205,0	435,0	
12	100012	101200472	Bình Amooi Anh	20C1B	27/01/2002	115,0	175,0	290,0	
13	100013	107180198	Đặng Thị Lan Anh	18KTHH1	16/03/2000	80,0	185,0	265,0	
14	100014	107190001	Đỗ Thị Ngọc Anh	19H2CLC1	11/05/2001	vắng	vắng	vắng	
15	100015	101200256	Hoàng Đức Anh	20CDT2	17/09/2002	135,0	120,0	255,0	
16	100016	117200007	Hoàng Đức Tuấn Anh	20MT	09/11/2002	125,0	90,0	215,0	
17	100017	107190058	Hoàng Thị Lê Anh	19H2CLC2	22/06/2001	135,0	110,0	245,0	
18	100018	107180251	Hoàng Văn Anh	18KTHH2	18/08/2000	120,0	140,0	260,0	
19	100019	107200026	Lê Châu Anh	20H2	21/11/2002	240,0	260,0	500,0	
20	100020	101180080	Lê Công Tuấn Anh	18C1B	30/03/2000	150,0	150,0	300,0	
21	100021	101190266	Lê Đức Anh	19CDTCLC1	21/08/2001	135,0	225,0	360,0	
22	100022	101190320	Lê Quốc Anh	19CDTCLC2	07/04/2001	120,0	120,0	240,0	
23	100023	105200115	Lê Quý Tâm Anh	20D2	29/10/1997	100,0	230,0	330,0	
24	100024	107200187	Ngô Hoàng Lan Anh	20KTHH1	06/11/2002	110,0	65,0	175,0	
25	100025	106180127	Nguyễn Chi Tuấn Anh	18D13	20/11/2000	160,0	185,0	345,0	
26	100026	109200117	Nguyễn Hồ Ngọc Anh	20X3	27/07/2002	140,0	80,0	220,0	
27	100027	107200233	Nguyễn Hoàng Quê Anh	20SH1	22/03/2002	225,0	310,0	535,0	
28	100028	107200027	Nguyễn Hoàng Trâm Anh	20H2	24/08/2002	145,0	180,0	325,0	
29	100029	117190005	Nguyễn Quốc Anh	19QLMT	18/04/2001	90,0	100,0	190,0	
30	100030	107190196	Nguyễn Thị Kim Anh	19KTHH2	07/03/2001	150,0	135,0	285,0	
31	100031	118200027	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20KX	25/04/2002	115,0	115,0	230,0	
32	100032	107200028	Nguyễn Thị Thủy Anh	20H2	22/06/2002	120,0	160,0	280,0	
33	100033	101190074	Nguyễn Tuấn Anh	19C1B	25/11/2001	vắng	vắng	vắng	
34	100034	105180336	Nguyễn Tuấn Anh	18TDH	17/05/2000	160,0	195,0	355,0	
35	100035	109190044	Nguyễn Văn Anh	19X3CLC	19/12/2001	160,0	155,0	315,0	
36	100036	107190002	Phạm Công Anh	19H2CLC1	11/03/2001	150,0	80,0	230,0	
37	100037	118200133	Phan Minh Giang Anh	20QLCN1	25/09/2002	135,0	180,0	315,0	
38	100038	107200272	Trần Thị Tú Anh	20SH2	08/02/2002	90,0	195,0	285,0	
39	100039	107200234	Trương Công Anh	20SH1	09/05/2000	95,0	75,0	170,0	
40	100040	103200220	Từ Đăng Anh	20HTCN	04/02/2001	135,0	110,0	245,0	
41	100041	101200424	Văn Việt Quốc Anh	20CKHK	18/11/2002	vắng	vắng	vắng	
42	100042	105180272	Võ Quốc Anh	18TDH1	18/05/2000	120,0	130,0	250,0	
43	100043	110190002	Đào Ngọc Anh	19X1CLC1	29/01/2000	115,0	135,0	250,0	
44	100044	118180083	Đào Thị Ngọc Anh	18QLCN	16/10/1999	165,0	185,0	350,0	
45	100045	118180084	Lai Thị Ngọc Anh	18QLCN	04/03/2000	170,0	125,0	295,0	
46	100046	107180130	Lê Nguyệt Anh	18H2CLC1	18/01/2000	vắng	vắng	vắng	
47	100047	107200273	Nguyễn Thị Anh	20SH2	02/02/2002	115,0	110,0	225,0	
48	100048	107200310	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	20KTHH2	05/04/2002	120,0	150,0	270,0	
49	100049	103200221	Phạm Thị Ngọc Ánh	20HTCN	07/02/2002	90,0	115,0	205,0	
50	100050	118200185	Trương Ngọc Anh	20QLCN2	26/07/2002	75,0	120,0	195,0	
51	100051	107200232	Ngô Văn Ân	20SH1	23/02/2002	195,0	220,0	415,0	
52	100052	102180111	Nguyễn Lê Bảo Ân	18TCLC_DT	02/06/2000	405,0	435,0	840,0	
53	100053	101180079	Nguyễn Thiên Ân	18C1B	26/01/1999	120,0	220,0	340,0	
54	100054	107180250	Trần Hoài Ân	18KTHH2	23/09/2000	115,0	175,0	290,0	
55	100055	101190137	Võ Công Ân	19C1C	02/02/2001	105,0	130,0	235,0	
56	100056	101200145	Võ Thiên Ân	20C1C	19/08/2002	95,0	115,0	210,0	
57	100057	103180067	Bach Nguyễn Hải Âu	18C4B	13/07/2000	165,0	140,0	305,0	
58	100058	103180005	Dương Thành Bằng	18C4A	26/09/2000	55,0	125,0	180,0	
59	100059	105200291	Nguyễn Hữu Anh Bằng	20TDH1	11/11/2002	135,0	115,0	250,0	
60	100060	101180005	Nguyễn Vũ Bằng	18C1A	28/11/2000	125,0	150,0	275,0	
61	100061	110190003	Lê Văn Nhật Bảo	19X1CLC1	11/02/2001	125,0	175,0	300,0	
62	100062	105190177	Hồ Trí Bảo	19TDHCLC1	22/01/2001	100,0	135,0	235,0	
63	100063	105180066	Hoàng Đình Thiệu Bảo	18D2	06/03/2000	50,0	100,0	150,0	
64	100064	109200118	Hoàng Trần Duy Bảo	20X3	13/12/2002	140,0	90,0	230,0	
65	100065	101180082	Lê Đức Bảo	18C1B	26/05/2000	140,0	155,0	295,0	
66	100066	101180006	Lê Quốc Bảo	18C1A	11/10/2000	115,0	205,0	320,0	
67	100067	107190145	Nguyễn Chí Bảo	19KTHH1	21/01/2001	165,0	225,0	390,0	
68	100068	101200213	Nguyễn Gia Bảo	20CDT1	16/08/2002	150,0	200,0	350,0	
69	100069	107200235	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	20SH1	11/08/2002	115,0	180,0	295,0	
70	100070	121200004	Nguyễn Quốc Bảo	20KT	09/02/2002	145,0	125,0	270,0	
71	100071	105190003	Nguyễn Sỹ Bảo	19DCLC1	14/04/2001	vắng	vắng	vắng	
72	100072	105180007	Phạm Lê Bảo	18D1	15/11/2000	vắng	vắng	vắng	
73	100073	101200148	Phạm Ngọc Bảo	20C1C	02/08/2002	110,0	60,0	170,0	
74	100074	109180128	Phạm Thái Bảo	18X3B	15/05/2000	105,0	70,0	175,0	
75	100075	101190203	Phan Đức Bảo	19C1D	03/04/2001	155,0	95,0	250,0	
76	100076	109180064	Phan Khắc Bảo	18X3A	15/09/2000	110,0	65,0	175,0	
77	100077	101200014	Phan Ngọc Gia Bảo	20C1A	16/09/2002	145,0	115,0	260,0	
78	100078	103200223	Phan Nguyễn Gia Bảo	20HTCN		vắng	vắng	vắng	
79	100079	117200008	Trần Nam Nhật Bảo	20MT	21/10/2002	150,0	235,0	385,0	
80	100080	105190047	Trần Thiên Bảo	19DCLC2	28/04/2001	140,0	210,0	350,0	
81	100081	102180001	Trương Quốc Bảo	18T1	04/01/2000	180,0	180,0	360,0	
82	100082	103170061	Vũ Văn Bảo	17C4B	06/11/1999	170,0	270,0	440,0	
83	100083	118190002	Nguyễn Phước Trung Bảo	19KXCLC1	11/11/2001	150,0	150,0	300,0	
84	100084	117200032	Trần Hữu Việt Bách	20QLMT	28/09/2002	220,0	335,0	555,0	
85	100085	101190375	Phan Châu Bắc	19CDTCLC3	09/11/2001	165,0	125,0	290,0	
86	100086	105180273	Phan Ben	18TDH1	01/10/1999	200,0	115,0	315,0	
87	100087	107200029	Trần Thị Bé	20H2	28/01/2002	85,0	125,0	210,0	
88	100088	109180129	Nguyễn Văn Biên	18X3B	20/02/2000	135,0	145,0	280,0	
89	100089	105180227	Bùi Huy Bình	18DCLC2	11/04/2000	vắng	vắng	vắng	
90	100090	105200292	Bùi Văn Bình	20TDH1	10/12/2002	180,0	125,0	305,0	
91	100091	107180199	Đặng Vũ Cẩm Bình	18KTHH1	23/03/2000	135,0	210,0	345,0	
92	100092	105180186	Lê Anh Bình	18DCLC1	27/12/2000	145,0	155,0	300,0	
93	100093	101200214	Ngô Xuân Bình	20CDT1	25/05/2002	110,0	130,0	240,0	
94	100094	101200258	Nguyễn Ngọc Bình	20CDT2	26/10/2002	125,0	185,0	310,0	
95	100095	101190269	Nguyễn Thiên Ngọc Bình	19CDTCLC1	03/05/2001	115,0	170,0	285,0	
96	100096	101190004	Nguyễn Trọng Bình	19C1A	15/04/2001	90,0	130,0	220,0	

97	100097	118200134	Phạm Thị Thái Bình	20QLCN1	08/04/2002	110,0	140,0	250,0	
98	100098	102190203	Trần Đức Bình	19TCLC_DT	12/07/2001	160,0	325,0	485,0	
99	100099	103190139	Trần Quang Bình	19C4CLC4	01/02/2001	145,0	75,0	220,0	
100	100100	110200056	Nguyễn Quốc Bồng	20X1B	22/06/2002	180,0	75,0	255,0	
101	100101	105190091	Trần Văn Bò	19DCLC3	04/12/2001	140,0	155,0	295,0	
102	100102	110170175	Nguyễn Văn Bương	17X1C	10/06/1998	140,0	160,0	300,0	
103	100103	105190228	Nguyễn Hồng Báu	19TDHCLC2	22/08/2001	135,0	145,0	280,0	
104	100104	107190200	Phan Văn Cán	19KTHH2	05/09/2001	135,0	125,0	260,0	
105	100105	101200215	Lê Việt Cảnh	20CDT1	16/07/2001	105,0	135,0	240,0	
106	100106	117180004	Nguyễn Ngọc Cảnh	18MT	16/07/2000	155,0	95,0	250,0	
107	100107	103190095	Võ Đăng Cát	19C4CLC3	15/01/2000	180,0	205,0	385,0	
108	100108	102200368	Nguyễn Thị Cẩm	20T2	23/06/2002	170,0	280,0	450,0	
109	100109	105180008	Nguyễn Thanh Cầu	18D1	15/09/2000	120,0	195,0	315,0	
110	100110	105190278	Dương Phú Minh Châu	19TDHCLC3	13/12/2001	135,0	135,0	270,0	
111	100111	107200274	Lê Dương Minh Châu	20SH2	23/01/2002	110,0	220,0	330,0	
112	100112	117180005	Lê Mậu Châu	18MT	15/11/2000	110,0	90,0	200,0	
113	100113	104180053	Ngô Tấn Châu	18N2	15/04/2000	150,0	205,0	355,0	
114	100114	107190059	Nguyễn Thị Minh Châu	19H2CLC2	08/01/2001	155,0	120,0	275,0	
115	100115	107190147	Ta Báo Châu	19KTHH1	23/01/2001	140,0	210,0	350,0	
116	100116	106180131	Trần Thị Mỹ Châu	18DT3	04/04/2000	160,0	235,0	395,0	
117	100117	117190007	Đào Thị Kim Chi	19QLMT	06/07/2001	85,0	175,0	260,0	
118	100118	104180004	Nguyễn Thị Chi	18N1	12/10/2000	95,0	150,0	245,0	
119	100119	103200225	Nguyễn Thị Kim Chi	20HTCN	27/10/2002	100,0	140,0	240,0	
120	100120	107190299	Nguyễn Thị Thùy Chi	19SH2	16/04/2001	120,0	170,0	290,0	
121	100121	121200005	Nguyễn Trà Chi	20KT	03/06/2002	55,0	135,0	190,0	
122	100122	103180069	Hồ Hoàng Chiến	18C4B	06/08/2000	95,0	175,0	270,0	
123	100123	101190140	Nguyễn Minh Chiến	19C1C	05/07/2001	155,0	120,0	275,0	
124	100124	101200259	Nguyễn Minh Chiến	20CDT2	25/02/2002	90,0	110,0	200,0	
125	100125	111190003	Phạm Công Chiến	19THXD	27/01/2001	150,0	150,0	300,0	
126	100126	101180010	Trần Đình Chiến	18C1A	02/10/1999	vắng	vắng	vắng	
127	100127	101190204	Trần Đức Chiến	19C1D	02/02/2001	95,0	115,0	210,0	
128	100128	107200236	Bùi Duy Chinh	20SH1	02/02/2002	120,0	340,0	460,0	
129	100129	110180073	Đào Quang Chinh	18X1B	04/07/2000	155,0	95,0	250,0	
130	100130	110190004	Phạm Ngọc Chinh	19X1CLC1	08/03/2001	155,0	155,0	310,0	
131	100131	101180086	Nguyễn Thiên Chi	18C1B	10/01/2000	195,0	175,0	370,0	
132	100132	102180002	Huyền Chinh	18T1	13/01/2000	155,0	345,0	500,0	
133	100133	103180195	Thái Đình Chinh	18KTTT	15/07/2000	170,0	135,0	305,0	
134	100134	101190005	Võ Đức Chinh	19C1A	22/12/2001	125,0	120,0	245,0	
135	100135	105190048	Nguyễn Văn Chon	19DCLC2	02/04/2001	135,0	140,0	275,0	
136	100136	105200079	Hồ Ngọc Chương	20D1	02/04/2002	160,0	130,0	290,0	
137	100137	105180068	Ngô Quang Chương	18D2	05/05/1999	125,0	135,0	260,0	
138	100138	101180011	Ngô Văn Chương	18C1A	19/10/2000	105,0	130,0	235,0	
139	100139	106180069	Hoàng Quốc Chung	18DT2	02/08/2000	150,0	75,0	225,0	
140	100140	103180070	Lê Văn Chung	18C4B	24/11/2000	165,0	160,0	325,0	
141	100141	101180159	Lưu Công Chung	18CDT1	01/09/2000	145,0	155,0	300,0	
142	100142	104180054	Ngô Sỹ Chung	18N2	05/12/2000	190,0	150,0	340,0	
143	100143	104180005	Nguyễn Lê Chung	18N1	03/01/2000	170,0	170,0	340,0	
144	100144	103180008	Nguyễn Phan Bảo Chung	18C4A	01/12/2000	150,0	140,0	290,0	
145	100145	105190092	Nguyễn Văn Chung	19DCLC3	08/09/2001	140,0	155,0	295,0	
146	100146	103180071	Trần Tấn Thành Chung	18C4B	04/01/2000	135,0	145,0	280,0	
147	100147	101200149	Nguyễn Hữu Chúc	20C1C	01/02/2002	115,0	130,0	245,0	
148	100148	09180131	Nguyễn Công Chúc	18X3B	20/01/2000	150,0	285,0	435,0	
149	100149	107190201	Lê Huy Công	19KTHH2	28/10/2001	125,0	160,0	285,0	
150	100150	111180071	Lương Hữu Công	18X2	02/01/2000	100,0	100,0	200,0	
151	100151	103200227	Nguyễn Hồng Thành Công	20HTCN	19/09/2002	145,0	150,0	295,0	
152	100152	101200083	Thái Ngọc Thành Công	20C1B	29/06/2002	115,0	285,0	400,0	
153	100153	111190004	Trần Chí Công	19THXD	04/06/2001	150,0	225,0	375,0	
154	100154	118180088	Nguyễn Quang Cường	18QLCN	19/03/2000	140,0	220,0	360,0	
155	100155	101190141	Cao Cường	19C1C	24/10/2001	110,0	100,0	210,0	
156	100156	105190179	Đặng Văn Cường	19TDHCLC1	04/11/2001	285,0	290,0	575,0	
157	100157	102180114	Hoàng Huy Cường	18TCLC_DT	03/11/2000	455,0	405,0	860,0	
158	100158	104200004	Hoàng Trọng Cường	20N	22/03/2002	120,0	95,0	215,0	
159	100159	104190005	Lê Nhật Cường	19NCLC	09/11/2001	120,0	30,0	150,0	
160	100160	109180132	Lê Quang Cường	18X3B	22/10/2000	vắng	vắng	vắng	
161	100161	101200217	Lê Văn Cường	20CDT1	13/08/2002	90,0	90,0	180,0	
162	100162	101200150	Lý Ngọc Cường	20C1C	01/10/2002	120,0	135,0	255,0	
163	100163	101190205	Nguyễn Cảnh Cường	19C1D	29/04/2001	115,0	110,0	225,0	
164	100164	107190060	Nguyễn Công Cường	19H2CLC2	08/09/2001	115,0	80,0	195,0	
165	100165	105200080	Nguyễn Ngọc Cường	20D1	05/03/2002	125,0	130,0	255,0	
166	100166	107180253	Nguyễn Trọng Cường	18KTHH2	13/04/2000	110,0	100,0	210,0	
167	100167	101200016	Nguyễn Xuân Cường	20C1A	01/08/2002	135,0	140,0	275,0	
168	100168	118180002	Võ Văn Cường	18KX	17/09/2000	90,0	145,0	235,0	
169	100169	107200275	Phan Thị Cúc	20SH2	13/05/2002	65,0	145,0	210,0	
170	100170	107180003	Bùi Thị Danh	18H2A	05/02/2000	145,0	185,0	330,0	
171	100171	107180201	Huyền Ngọc Danh	18KTHH1	10/03/2000	165,0	145,0	310,0	
172	100172	101200218	Lê Văn Danh	20CDT1	05/02/2002	140,0	120,0	260,0	
173	100173	118190087	Trà Tấn Dân	19QLCN1	30/05/2001	100,0	120,0	220,0	
174	100174	118200030	Lê Thị Hằng Diễm	20KX	06/09/2002	140,0	240,0	380,0	
175	100175	103200228	Châu Thị Diễm	20HTCN	01/11/2002	65,0	125,0	190,0	
176	100176	117190011	Dương Thị Diễm	19QLMT	27/07/2001	vắng	vắng	vắng	
177	100177	107190203	Đinh Thu Diễm	19KTHH2	09/08/2001	140,0	195,0	335,0	
178	100178	118200136	Lê Phương Diễm	20QLCN1	28/12/2002	95,0	90,0	185,0	
179	100179	117180061	Trần Thị Diễm	18QLMT	21/02/2000	140,0	150,0	290,0	
180	100180	118200029	Võ Cao Trúc Diễm	20KX	15/11/2002	55,0	140,0	195,0	
181	100181	107180202	Võ Vy Tố Diễm	18KTHH1	19/10/2000	145,0	150,0	295,0	
182	100182	107180255	Hồ Nguyễn Diệp	18KTHH2	08/08/2000	160,0	135,0	295,0	
183	100183	107190004	Lê Thị Ngọc Diệp	19H2CLC1	27/06/2001	vắng	vắng	vắng	
184	100184	107190249	Nguyễn Thị Huyền Diệp	19SH1	20/10/2001	210,0	175,0	385,0	
185	100185	118200188	Huyền Thị Diệu	20QLCN2	01/03/2002	145,0	140,0	285,0	
186	100186	102190007	Nguyễn Hữu Đình	19TCLC_DT	22/12/2001	185,0	135,0	320,0	
187	100187	109180134	Phạm Phước Đình	18X3B	10/10/2000	95,0	40,0	135,0	
188	100188	101200088	Bùi Di	20C1B	08/01/2002	135,0	75,0	210,0	
189	100189	118190149	Võ Thị Ngọc Đoan	19QLCN2	18/09/2001	120,0	125,0	245,0	
190	100190	101190275	Lai Trung Doanh	19CDTCLC1	01/11/2001	210,0	230,0	440,0	
191	100191	107200030	Lê Cao Dương	20H2	28/07/2002	285,0	405,0	690,0	
192	100192	110190008	Lê Đại Dương	19X1CLC1	09/01/2001	160,0	75,0	235,0	
193	100193	101200092	Nguyễn ánh Dương	20C1B	05/05/2002	105,0	115,0	220,0	
194	100194	103200232	Nguyễn Thái Dương	20HTCN	13/09/2001	100,0	115,0	215,0	
195	100195	105200123	Ninh Tấn Tùng Dương	20D2	19/02/2002	95,0	125,0	220,0	
196	100196	105190051	Phạm Công Tuấn Dương	19DCLC2	23/11/2001	105,0	140,0	245,0	
197	100197	101200159	Phan Công ánh Dương	20C1C	07/02/2002	155,0	80,0	235,0	
198	100198	105200328	Phan Hải Dương	20TDH2	26/07/2002	160,0	95,0	255,0	
199	100199	109180011	Phan Hoàng Dương	18VLXD	01/01/2000	160,0	140,0	300,0	
200	100200	101190149	Trần Thái Dương	19C1C	10/02/2001	155,0	135,0	290,0	

201	100201	101190331	Trần Thái Dương	19CDTCLC2	21/02/2001	150,0	120,0	270,0	
202	100202	107200278	Trần Thị Thủy Dương	20SH2	05/09/2002	165,0	150,0	315,0	
203	100203	106200256	Nguyễn Du	20KMT2	09/09/2002	75,0	170,0	245,0	
204	100204	118190088	Nguyễn Minh Du	19QLCN1	30/10/2000	140,0	135,0	275,0	
205	100205	107200238	Nguyễn Thị Phương Du	20SH1	15/10/2002	115,0	120,0	235,0	
206	100206	102190207	Lê Văn Tuấn	19TCLC_DT	30/01/2001	210,0	75,0	285,0	
207	100207	121200009	Dương Thị Thủy Dung	20KT	24/09/2000	140,0	290,0	430,0	
208	100208	118200138	Đặng Thị Mỹ Dung	20QLCN1	04/10/2002	95,0	140,0	235,0	
209	100209	107200277	Hà Thị Thủy Dung	20SH2	25/10/2002	155,0	280,0	435,0	
210	100210	107180204	Lê Thị Kim Dung	18KTHH1	19/09/2000	145,0	310,0	455,0	
211	100211	107180257	Ngô Thị Thủy Dung	18KTHH2	10/05/2000	110,0	160,0	270,0	
212	100212	107190062	Phan Thị Mỹ Dung	19H2CLC2	02/05/2001	vắng	vắng	vắng	
213	100213	107190250	Phan Thị Thủy Dung	19SH1	29/11/2001	150,0	135,0	285,0	
214	100214	118190090	Trần Thị Phương Dung	19QLCN1	17/04/2001	110,0	175,0	285,0	
215	100215	105190095	Bùi Văn Duy	19DCLC3	31/07/2001	170,0	205,0	375,0	
216	100216	103200283	Dương Phước Duy	20KTTT	12/12/2002	150,0	200,0	350,0	
217	100217	107190251	Nguyễn Ngọc Duy	19SH1	08/04/2001	145,0	135,0	280,0	
218	100218	117200034	Nguyễn Phạm Anh Duy	20QLMT	14/09/2002	95,0	120,0	215,0	
219	100219	103200233	Nguyễn Phú Duy	20HTCN	23/05/2002	210,0	320,0	530,0	
220	100220	101200428	Nguyễn Tấn Duy	20CKHK	17/01/2002	80,0	55,0	135,0	
221	100221	117200035	Nguyễn Thế Duy	20QLMT	06/03/2002	vắng	vắng	vắng	
222	100222	103190207	Nguyễn Văn Duy	19HTCN	03/02/2001	115,0	170,0	285,0	
223	100223	101190150	Nguyễn Văn Nguyễn Duy	19C1C	30/10/2001	90,0	125,0	215,0	
224	100224	105190096	Trần Duy	19DCLC3	03/06/2001	110,0	200,0	310,0	
225	100225	117200036	Trần Hưng Quốc Duy	20QLMT	18/09/2002	100,0	150,0	250,0	
226	100226	103200234	Trần Ngọc Duy	20HTCN	30/09/2002	145,0	125,0	270,0	
227	100227	103180080	Trương Minh Duy	18C4B	22/02/2000	85,0	120,0	205,0	
228	100228	109180072	Võ Lê Duy	18X3A	01/02/2000	110,0	155,0	265,0	
229	100229	121190054	Võ Trung Khánh Duy	19KTCLC2	18/02/2001	165,0	100,0	265,0	
230	100230	118200034	Lê Võ Kỳ Duyên	20KX	26/07/2002	90,0	135,0	225,0	
231	100231	118190047	Ngô Thị Kỳ Duyên	19KXCLC2	16/05/2001	160,0	155,0	315,0	
232	100232	107190303	Nguyễn Thị Duyên	19SH2	17/11/2001	105,0	70,0	175,0	
233	100233	117190013	Nguyễn Thị Khánh Duyên	19QLMT	17/07/2001	125,0	90,0	215,0	
234	100234	118200035	Trần Thị Mỹ Duyên	20KX	18/08/2002	120,0	120,0	240,0	
235	100235	101190438	Đoàn Quốc Dũng	19CDTCLC4	30/05/2001	170,0	145,0	315,0	
236	100236	104180010	Huỳnh Bá Dũng	18N1	10/02/2000	115,0	110,0	225,0	
237	100237	104180060	Huỳnh Đức Dũng	18N2	30/01/2000	95,0	130,0	225,0	
238	100238	105200085	Lê Hữu Dũng	20D1	28/01/2002	115,0	155,0	270,0	
239	100239	101200427	Lê Thế Dũng	20CKHK	16/07/2002	90,0	80,0	170,0	
240	100240	103180199	Lương Văn Dũng	18KTTT	30/03/2000	185,0	140,0	325,0	
241	100241	118200033	Nguyễn Bá Dũng	20KX	01/02/2002	115,0	140,0	255,0	
242	100242	105190094	Nguyễn Hữu Dũng	19DCLC3	16/05/2001	160,0	160,0	320,0	
243	100243	110180012	Nguyễn Ngọc Dũng	18X1A	02/10/2000	120,0	195,0	315,0	
244	100244	105180284	Nguyễn Thành Dũng	18TDH1	07/01/2000	155,0	120,0	275,0	
245	100245	110180079	Nguyễn Trọng Dũng	18X1B	17/01/2000	160,0	140,0	300,0	
246	100246	105180076	Nguyễn Trung Dũng	18D2	07/07/1999	135,0	150,0	285,0	
247	100247	101180228	Nguyễn Văn Dũng	18CDT2	29/03/2000	75,0	100,0	175,0	
248	100248	110180013	Phạm Tiến Dũng	18X1A	28/07/2000	185,0	205,0	390,0	
249	100249	105190138	Phạm Trọng Dũng	19DCLC4	15/10/2001	155,0	160,0	315,0	
250	100250	118190091	Trần Kim Dũng	19QLCN1	21/08/2001	75,0	210,0	285,0	
251	100251	109180069	Trần Văn Dự	18X3A	01/11/2000	140,0	100,0	240,0	
252	100252	101180090	Hà Văn Đại	18C1B	08/10/2000	110,0	50,0	160,0	
253	100253	106180070	Ngô Tấn Đại	18DT2	07/02/2000	115,0	235,0	350,0	
254	100254	105180188	Nguyễn Trọng Đại	18DCLC1	02/08/2000	150,0	135,0	285,0	
255	100255	109200121	Trần Công Đại	20X3	29/04/2002	115,0	115,0	230,0	
256	100256	101200261	Trương Quốc Đại	20CDT2	01/06/2002	145,0	175,0	320,0	
257	100257	109200122	Lê Quang Đạo	20X3	03/11/2002	115,0	80,0	195,0	
258	100258	107200189	Nguyễn Minh Đạo	20KTHH1	03/02/2002	105,0	150,0	255,0	
259	100259	103180074	Trần Minh Đạo	18C4B	01/11/2000	110,0	70,0	180,0	
260	100260	105180070	Đặng Hoàng Đạt	18D2	26/11/2000	125,0	140,0	265,0	
261	100261	101200017	Đặng Ngọc Tuấn Đạt	20C1A	19/12/2002	155,0	280,0	435,0	
262	100262	101180014	Đặng Quốc Đạt	18C1A	28/02/2000	145,0	280,0	425,0	
263	100263	101200262	Đỗ Hoàng Đạt	20CDT2	20/09/2002	135,0	150,0	285,0	
264	100264	106180071	Đỗ Thành Đạt	18DT2	17/01/2000	125,0	180,0	305,0	
265	100265	105200118	Kiều Lê Tiến Đạt	20D2	30/03/2002	140,0	235,0	375,0	
266	100266	105180343	Lê Thạc Đạt	18TDH2	13/04/2000	100,0	300,0	400,0	
267	100267	106190099	Lê Thành Đạt	19DTCLC3	03/04/2001	125,0	170,0	295,0	
268	100268	105200081	Lê Việt Tấn Đạt	20D1	14/09/2002	95,0	185,0	280,0	
269	100269	104180057	Lương Văn Đạt	18N2	30/12/2000	120,0	155,0	275,0	
270	100270	106170152	Lương Văn Đạt	17DT3	10/10/1999	140,0	185,0	325,0	
271	100271	118190005	Mai Thành Đạt	19KXCLC1	18/11/2001	155,0	205,0	360,0	
272	100272	105190093	Nguyễn Đình Đạt	19DCLC3	22/08/2001	160,0	250,0	410,0	
273	100273	101190207	Nguyễn Ngọc Đạt	19C1D	03/05/2000	110,0	125,0	235,0	
274	100274	109180006	Nguyễn Phú Đạt	18VLXD	24/09/2000	135,0	115,0	250,0	
275	100275	101200086	Nguyễn Quang Đạt	20C1B	25/01/2001	120,0	125,0	245,0	
276	100276	103180075	Nguyễn Thanh Đạt	18C4B	07/11/2000	135,0	155,0	290,0	
277	100277	105190230	Nguyễn Thành Đạt	19TDHCLC2	27/07/2000	80,0	55,0	135,0	
278	100278	110190045	Nguyễn Thành Đạt	19X1CLC2	03/05/2001	140,0	115,0	255,0	
279	100279	101200153	Nguyễn Văn Đạt	20C1C	17/01/2002	100,0	135,0	235,0	
280	100280	106180133	Phạm Đức Đạt	18DT3	26/02/2000	115,0	145,0	260,0	
281	100281	111190006	Phạm Thành Đạt	19THXD	15/09/2001	150,0	115,0	265,0	
282	100282	105190231	Phạm Tiến Đạt	19TDHCLC2	02/04/2001	185,0	260,0	445,0	
283	100283	107190202	Phạm Văn Đạt	19KTHH2	24/11/2000	120,0	110,0	230,0	
284	100284	105180189	Trần Quốc Đạt	18DCLC1	13/07/2000	115,0	170,0	285,0	
285	100285	101200219	Trần Văn Đạt	20CDT1	02/10/2002	125,0	145,0	270,0	
286	100286	106200223	Trần Văn Đạt	20KMTT1	13/06/2002	110,0	145,0	255,0	
287	100287	107200190	Trần Văn Đạt	20KTHH1	20/04/2002	85,0	145,0	230,0	
288	100288	111190007	Trần Văn Đạt	19THXD	25/09/2001	135,0	225,0	360,0	
289	100289	101190080	Trương Nguyễn Tấn Đạt	19C1B	16/05/2001	145,0	125,0	270,0	
290	100290	102180201	Văn Ngọc Đạt	18TCLC_DT	05/02/2000	210,0	295,0	505,0	
291	100291	105180013	Võ Hữu Đạt	18D1	17/10/2000	115,0	140,0	255,0	
292	100292	109190046	Lê Tổng Minh Đăng	19X3CLC	01/05/2001	90,0	95,0	185,0	
293	100293	103180073	Trần Duy Hải Đăng	18C4B	28/03/2000	145,0	150,0	295,0	
294	100294	101190007	Hồ Di Đan	19C1A	01/04/2000	135,0	275,0	410,0	
295	100295	109200120	Ngô Hoàng Đài	20X3	15/03/2002	140,0	160,0	300,0	
296	100296	117200033	Nguyễn Anh Đào	20QLMT	18/02/2002	125,0	115,0	240,0	
297	100297	101180013	Đinh Hữu Đắc	18C1A	08/11/2000	vắng	vắng	vắng	
298	100298	105180135	Hồ Văn Đình	18D3	25/06/2000	135,0	175,0	310,0	
299	100299	101180093	Nguyễn Ngọc Đình	18C1B	11/01/2000	115,0	155,0	270,0	
300	100300	103180014	Phạm Như Thiên Đình	18C4A	24/04/2000	125,0	150,0	275,0	
301	100301	103180013	Đoàn Đức Diễm	18C4A	27/07/2000	160,0	135,0	295,0	
302	100302	102190256	Hoàng Đình Diệp	19TCLC_DT	18/07/2001	125,0	170,0	295,0	
303	100303	101200021	Hoàng Văn Diệp	20C1A	16/12/2002	110,0	135,0	245,0	
304	100304	101190144	Nguyễn Văn Đình	19C1C	08/09/2001	145,0	205,0	350,0	

305	100305	101200263	Hồ Thiện Đình	20CDT2	01/01/2002	125,0	135,0	260,0	
306	100306	105200082	Nguyễn Lê Quốc Đồng	20D1	07/05/2002	vắng	vắng	vắng	
307	100307	107200276	Nguyễn Trọng Đồng	20SH2	11/12/2002	75,0	145,0	220,0	
308	100308	101200089	Dương Văn Đô	20C1B	21/02/2002	115,0	150,0	265,0	
309	100309	106180072	Lê Trí Đô	18DT2	05/01/2000	95,0	175,0	270,0	
310	100310	107180309	Nguyễn Khánh Đô	18SH	30/11/2000	125,0	240,0	365,0	
311	100311	106190100	Đặng Văn Đông	19DTCLC3	24/08/2001	210,0	260,0	470,0	
312	100312	117180062	Ngô Thi Thu Đông	18QLMT	04/08/2000	80,0	140,0	220,0	
313	100313	111200025	Nguyễn Hữu Đông	20THXD1	08/10/1998	160,0	230,0	390,0	
314	100314	101180094	Phan Văn Đông	18C1B	19/04/2000	160,0	210,0	370,0	
315	100315	105180345	Vũ Văn Đông	18TDH2	04/09/1999	145,0	140,0	285,0	
316	100316	111200064	Lê Quốc Đoàn	20THXD2	26/03/2002	125,0	55,0	180,0	
317	100317	101200022	Lê Việt Đoàn	20C1A	27/05/2001	155,0	70,0	225,0	
318	100318	105190381	Võ Công Đoàn	19TDHCLC5	10/09/2001	150,0	110,0	260,0	
319	100319	101200156	Lê Đức Độ	20C1C	07/05/2002	155,0	110,0	265,0	
320	100320	101180017	Nguyễn Văn Dơi	18C1A	18/11/2000	150,0	150,0	300,0	
321	100321	118200032	Nguyễn Phước Đức	20KX	01/02/2002	105,0	115,0	220,0	
322	100322	104180058	Biển Văn Đức	18N2	08/01/2000	145,0	170,0	315,0	
323	100323	102180059	Hồ Thế Anh Đức	18T2	08/01/2000	120,0	140,0	260,0	
324	100324	109180009	Huỳnh Lê Anh Đức	18VLXD	28/02/2000	195,0	185,0	380,0	
325	100325	104200005	Lê Ngọc Đức	20N	16/04/2002	145,0	125,0	270,0	
326	100326	106180074	Lê Trần Minh Đức	18DT2	17/10/2000	110,0	155,0	265,0	
327	100327	105180231	Lê Văn Đức	18DCLC2	03/11/2000	125,0	140,0	265,0	
328	100328	105200120	Mai Việt Đức	20D2	31/03/2002	110,0	70,0	180,0	
329	100329	118200031	Ngô Văn Đức	20KX	23/02/2002	115,0	100,0	215,0	
330	100330	101180018	Nguyễn Công Đức	18C1A	14/06/2000	95,0	125,0	220,0	
331	100331	101200264	Nguyễn Dương Trung Đức	20CDT2	13/06/2002	170,0	185,0	355,0	
332	100332	105200121	Nguyễn Đình Đức	20D2	05/01/2001	115,0	145,0	260,0	
333	100333	103180077	Nguyễn Đình Hoàng Đức	18C4B	19/08/2000	140,0	155,0	295,0	
334	100334	102190008	Nguyễn Hữu Đức	19TCLC_DT	28/03/2001	145,0	195,0	340,0	
335	100335	102190208	Nguyễn Nhân Đức	19TCLC_DT	01/01/2001	190,0	335,0	525,0	
336	100336	101190210	Nguyễn Sanh Đức	19C1D	20/04/2001	105,0	130,0	235,0	
337	100337	110180009	Nguyễn Tâm Đức	18X1A	06/07/1999	120,0	100,0	220,0	
338	100338	101200157	Nguyễn Tiến Đức	20C1C	10/02/2002	120,0	120,0	240,0	
339	100339	101180095	Nguyễn Văn Thanh Đức	18C1B	05/12/2000	120,0	145,0	265,0	
340	100340	103200231	Phạm Thiên Đức	20HTCN	01/03/2002	120,0	60,0	180,0	
341	100341	101200221	Phan Thanh Đức	20CDT1	29/08/2002	110,0	170,0	280,0	
342	100342	105180075	Phan Văn Đức	18D2	08/02/2000	105,0	140,0	245,0	
343	100343	109200124	Trần Lê Anh Đức	20X3	28/08/2002	90,0	145,0	235,0	
344	100344	101190276	Trần Lê Hồng Đức	19CDTCLC1	14/09/2001	110,0	135,0	245,0	
345	100345	106200258	Trần Mạnh Đức	20KTMT2	30/04/2002	160,0	100,0	260,0	
346	100346	101180227	Trần Trương Minh Đức	18CDT2	12/06/2000	140,0	120,0	260,0	
347	100347	101190012	Trần Văn Đức	19C1A	27/05/2001	vắng	vắng	vắng	
348	100348	101190330	Trần Văn Đức	19CDTCLC2	21/11/2001	100,0	170,0	270,0	
349	100349	111200105	Phan Lê Hồng Gấm	20X2	10/10/2002	110,0	145,0	255,0	
350	100350	110180081	Võ Duy Ghi	18X1B	01/01/2000	135,0	180,0	315,0	
351	100351	106200227	Ngô Hoàng Gia	20KTMT1	04/12/2002	75,0	125,0	200,0	
352	100352	107200314	Huỳnh Thị Thu Giang	20KTHH2	06/01/2002	140,0	170,0	310,0	
353	100353	101200093	Lê Thị Phương Giang	20C1B	25/09/2002	135,0	185,0	320,0	
354	100354	107180067	Nguyễn Thị Giang	18H2B	16/03/2000	110,0	180,0	290,0	
355	100355	118200190	Nguyễn Thị Giang	20QLCN2	06/11/2002	120,0	110,0	230,0	
356	100356	118200036	Nguyễn Thị Trà Giang	20KX	17/03/2002	90,0	110,0	200,0	
357	100357	117180009	Phan Thị Hà Giang	18MT	28/02/2000	155,0	170,0	325,0	
358	100358	118200037	Phan Thị Hoài Giang	20KX	22/10/2002	135,0	90,0	225,0	
359	100359	101190214	Hồ Minh Giải	19C1D	23/02/2001	145,0	35,0	180,0	
360	100360	101200160	Nguyễn Đình Giảng	20C1C	21/04/2002	160,0	100,0	260,0	
361	100361	102180062	Trần Đăng Giáp	18T2	08/01/2000	110,0	130,0	240,0	
362	100362	101190015	Nguyễn Nhật Guyn	19C1A	16/07/2001	195,0	115,0	310,0	
363	100363	118180093	Nguyễn ảnh Hà	18QLCN	18/03/2000	95,0	175,0	270,0	
364	100364	101180167	Nguyễn Thanh Hà	18CDT1	02/08/2000	140,0	135,0	275,0	
365	100365	103180018	Nguyễn Xuân Hà	18C4A	15/03/2000	135,0	140,0	275,0	
366	100366	110180018	Dương Trí Hạnh	18X1A	30/01/2000	70,0	90,0	160,0	
367	100367	118180013	Đinh Thị Ngọc Hạnh	18KX	06/08/2000	140,0	170,0	310,0	
368	100368	107200279	Lê Thị Hồng Hạnh	20SH2	20/01/2002	135,0	205,0	340,0	
369	100369	118200140	Lê Thị Hồng Hạnh	20QLCN1	19/12/2002	180,0	70,0	250,0	
370	100370	118190008	Lê Thị Mỹ Hạnh	19KXCLC1	23/05/2001	180,0	290,0	470,0	
371	100371	107190207	Ngô Thị Kim Hạnh	19KTHH2	25/04/2001	125,0	110,0	235,0	
372	100372	109180073	Trương Văn Hạnh	18X3A	20/09/2000	110,0	115,0	225,0	
373	100373	107180134	Đặng Minh Hằng	18H2CLC1	29/08/2000	95,0	185,0	280,0	
374	100374	107180008	Lê Thị Hằng	18H2A	04/11/2000	170,0	120,0	290,0	
375	100375	107200033	Nguyễn Thị Hằng	20H2	09/01/2002	115,0	90,0	205,0	
376	100376	118200191	Phạm Thị Thuý Hằng	20QLCN2	01/10/2002	125,0	150,0	275,0	
377	100377	107180070	Trần Thị Cẩm Hằng	18H2B	25/01/2000	145,0	240,0	385,0	
378	100378	105180138	Nguyễn Trọng Hà	18D3	06/10/2000	220,0	145,0	365,0	
379	100379	101190332	Đinh Sơn Hà	19CDTCLC2	18/03/2001	140,0	155,0	295,0	
380	100380	118180009	Đoàn Ngân Hà	18KX	21/04/2000	140,0	195,0	335,0	
381	100381	118200038	Đoàn Quốc Hà	20KX	02/03/2002	85,0	180,0	265,0	
382	100382	111180074	Hồ Đại Hà	18X2	29/12/2000	120,0	175,0	295,0	
383	100383	107170122	Hoàng Thị Hà	17KTHH1	01/06/1996	200,0	340,0	540,0	
384	100384	107190008	Huỳnh Thị Thanh Hà	19H2CLC1	03/03/2001	170,0	155,0	325,0	
385	100385	118200139	Lê Thị Thu Hà	20QLCN1	21/03/2002	160,0	160,0	320,0	
386	100386	118180092	Lương Thị Trúc Hà	18QLCN	24/04/2000	160,0	155,0	315,0	
387	100387	101190151	Nguyễn Đoàn Ngọc Hà	19C1C	22/09/2001	135,0	115,0	250,0	
388	100388	101200026	Nguyễn Lương Văn Hà	20C1A	17/06/2002	115,0	70,0	185,0	
389	100389	118200039	Nguyễn Thị Dung Hà	20KX	08/12/2002	135,0	220,0	355,0	
390	100390	107170225	Nguyễn Thị Thu Hà	17SH	22/07/1999	315,0	385,0	700,0	
391	100391	101190215	Nguyễn Tiến Hà	19C1D	22/01/2001	160,0	135,0	295,0	
392	100392	105190285	Nguyễn Văn Hà	19TDHCLC3	30/09/2001	155,0	135,0	290,0	
393	100393	110190009	Phạm Xuân Hà	19X1CLC1	06/11/2001	370,0	405,0	775,0	
394	100394	107200032	Phan Thị Hà	20H2	23/10/2002	125,0	140,0	265,0	
395	100395	107200240	Lê Việt Bảo Hào	20SH1	09/05/2002	135,0	275,0	410,0	
396	100396	118200043	Lê Hoàng Anh Hào	20KX	04/06/2002	85,0	100,0	185,0	
397	100397	118200192	Nguyễn Bá Hào	20QLCN2	27/11/2002	110,0	125,0	235,0	
398	100398	103200011	Nguyễn Hữu Hào	20C4A	16/07/2002	100,0	135,0	235,0	
399	100399	105180236	Phan Anh Hào	18DCLC2	28/12/2000	235,0	125,0	360,0	
400	100400	118200041	Đỗ Thanh Hải	20KX	16/07/2002	230,0	160,0	390,0	
401	100401	105190385	Lê Đình Hải	19TDHCLC5	07/02/2001	150,0	135,0	285,0	
402	100402	101180020	Lê Văn Hải	18C1A	05/07/2000	75,0	65,0	140,0	
403	100403	101190016	Lê Văn Hải	19C1A	06/05/2001	140,0	185,0	325,0	
404	100404	105180235	Lê Văn Hải	18DCLC2	19/09/2000	145,0	185,0	330,0	
405	100405	118190156	Lưu Thị Thanh Hải	19QLCN2	12/04/2000	165,0	75,0	240,0	
406	100406	118200042	Nguyễn Hữu Hải	20KX	18/07/2002	165,0	95,0	260,0	
407	100407	105190053	Nguyễn Ngọc Hải	19DCLC2	11/01/2001	180,0	225,0	405,0	
408	100408	105200124	Nguyễn Ngọc Hải	20D2	24/04/2002	95,0	145,0	240,0	

409	100409	101190279	Nguyễn Tấn Hải	19CDTCLC1	05/06/2001	105,0	140,0	245,0	
410	100410	103190100	Nguyễn Thanh Hải	19C4CLC3	14/09/2001	100,0	60,0	160,0	
411	100411	109180137	Nguyễn Tuấn Hải	18X3B	27/04/2000	115,0	200,0	315,0	
412	100412	105200087	Phạm Sơn Ngọc Hải	20D1	08/11/2002	vắng	vắng	vắng	
413	100413	110190010	Phạm Văn Hải	19X1CLC1	26/04/2001	150,0	150,0	300,0	
414	100414	101180229	Phan Hồng Hải	18CDT2	21/11/2000	155,0	250,0	405,0	
415	100415	101190333	Trần Công Hải	19CDTCLC2	10/02/2001	145,0	155,0	300,0	
416	100416	105190386	Trần Đình Hải	19TDHCLC5	06/06/2001	150,0	170,0	320,0	
417	100417	101200162	Nguyễn Huỳnh Hào	20C1C	02/10/2002	85,0	115,0	200,0	
418	100418	107200034	Nguyễn Thị Hào	20H2	20/01/2002	95,0	135,0	230,0	
419	100419	107200241	Nguyễn Thị Thanh Hào	20SH1	07/05/2002	140,0	140,0	280,0	
420	100420	107180261	Bùi Khả Hân	18KTHH2	08/05/2000	125,0	175,0	300,0	
421	100421	107180209	Ngô Thị Diệu Hân	18KTHH1	01/01/2000	150,0	220,0	370,0	
422	100422	117200013	Nguyễn Ngọc Hân	20MT	20/10/2002	115,0	260,0	375,0	
423	100423	103200236	Huỳnh Nhân Hậu	20HTCN		120,0	135,0	255,0	
424	100424	105180139	Lê Phi Hậu	18D3	22/04/2000	vắng	vắng	vắng	
425	100425	107200315	Nguyễn Đức Hậu	20KTHH2	08/12/2002	90,0	125,0	215,0	
426	100426	101200267	Nguyễn Tấn Hậu	20CDT2	15/12/2002	110,0	135,0	245,0	
427	100427	103190186	Nguyễn Trung Hậu	19K1TT	06/04/2001	120,0	230,0	350,0	
428	100428	105190187	Nguyễn Trung Hậu	19TDHCLC1	10/10/2001	120,0	175,0	295,0	
429	100429	111190010	Nguyễn Văn Hậu	19THXD	08/09/2000	140,0	150,0	290,0	
430	100430	103190056	Phạm Đức Trung Hậu	19C4CLC2	15/05/2001	110,0	65,0	175,0	
431	100431	101180099	Phạm Vũ Hậu	18C1B	13/07/2000	vắng	vắng	vắng	
432	100432	118180014	Trần Văn Hậu	18KX	23/01/2000	160,0	160,0	320,0	
433	100433	110180085	Trương Công Hậu	18X1B	19/02/2000	vắng	vắng	vắng	
434	100434	101200096	Võ Thành Hậu	20C1B	10/02/2002	95,0	55,0	150,0	
435	100435	107190067	Bùi Ngọc Hiền	19H2CLC2	23/08/2001	95,0	200,0	295,0	
436	100436	107180010	Huỳnh Thị Hiền	18H2A	06/10/2000	125,0	115,0	240,0	
437	100437	101180169	Nguyễn Cảnh Hiền	18CDT1	16/01/2000	165,0	180,0	345,0	
438	100438	107180011	Nguyễn Thị Hiền	18H2A	10/02/2000	135,0	185,0	320,0	
439	100439	118190050	Nguyễn Thị Hiền	19KXCLC2	30/08/2001	95,0	230,0	325,0	
440	100440	118190097	Nguyễn Thị Như Hiền	19QLCN1	30/03/2001	95,0	115,0	210,0	
441	100441	121200016	Nguyễn Thị Thảo Hiền	20KT	06/12/2002	180,0	240,0	420,0	
442	100442	107200280	Nguyễn Thị Thu Hiền	20SH2	12/10/2002	vắng	vắng	vắng	
443	100443	107190068	Phạm Thị Thanh Hiền	19H2CLC2	04/09/2001	135,0	90,0	225,0	
444	100444	107200036	Phan Thị Thu Hiền	20H2	16/12/2002	125,0	130,0	255,0	
445	100445	107200242	Trần Phan Thủy Hiền	20SH1	23/08/2002	425,0	430,0	855,0	
446	100446	111200068	Trần Thị Thanh Hiền	20THXD2	31/03/2002	165,0	90,0	255,0	
447	100447	102180008	Trần Văn Hiền	18T1	18/07/2000	275,0	350,0	625,0	
448	100448	107190010	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	19H2CLC1	21/07/2001	140,0	120,0	260,0	
449	100449	101190218	Trần Quang Hiếu	19C1D	08/10/2000	135,0	120,0	255,0	
450	100450	107190209	Lê Văn Hiếu	19KTHH2	11/05/2001	115,0	140,0	255,0	
451	100451	101200430	Nguyễn Lương Hiếu	20CKHK	03/08/2002	155,0	120,0	275,0	
452	100452	101180023	Đàm Trung Hiếu	18C1A	26/09/2000	155,0	130,0	285,0	
453	100453	101190441	Đỗ Văn Hiếu	19CDTCLC4	17/07/2001	105,0	145,0	250,0	
454	100454	106180141	Hà Huy Trung Hiếu	18DT3	08/08/2000	115,0	355,0	470,0	
455	100455	105190287	Hà Minh Hiếu	19TDHCLC3	15/09/2001	155,0	95,0	250,0	
456	100456	106200050	Hoàng Trung Hiếu	20DT2	09/10/2002	vắng	vắng	vắng	
457	100457	117190014	Huỳnh Thị Minh Hiếu	19QLMT	20/08/2001	165,0	130,0	295,0	
458	100458	102180204	Huỳnh Trung Hiếu	18TCLC_DT	18/09/2000	280,0	390,0	670,0	
459	100459	101170103	Lê Minh Hiếu	17C1B	02/04/1998	140,0	240,0	380,0	
460	100460	109190051	Lương Minh Hiếu	19X3CLC	08/01/2001	135,0	150,0	285,0	
461	100461	101190153	Lưu Văn Hiếu	19C1C	03/03/2001	110,0	120,0	230,0	
462	100462	118200044	Ngô Thị Xuân Hiếu	20KX	19/08/2002	125,0	100,0	225,0	
463	100463	101190388	Nguyễn Đăng Hiếu	19CDTCLC3	10/09/2001	115,0	240,0	355,0	
464	100464	101200097	Nguyễn Đình Hiếu	20C1B	25/09/2002	195,0	185,0	380,0	
465	100465	101200164	Nguyễn Đức Hiếu	20C1C	10/06/2002	190,0	350,0	540,0	
466	100466	107190069	Nguyễn Hồng Trọng Hiếu	19H2CLC2	25/11/2001	160,0	220,0	380,0	
467	100467	101180024	Nguyễn Hữu Hiếu	18C1A	07/04/2000	135,0	200,0	335,0	
468	100468	110180086	Nguyễn Minh Hiếu	18X1B	24/09/2000	110,0	160,0	270,0	
469	100469	106190058	Nguyễn Ngọc Hiếu	19DTCLC2	25/06/2001	155,0	175,0	330,0	
470	100470	117200014	Nguyễn Quang Hiếu	20MT	15/11/2002	100,0	90,0	190,0	
471	100471	107170299	Nguyễn Thị Hiếu	17H2CLC1	02/07/1999	125,0	205,0	330,0	
472	100472	107190123	Nguyễn Thị Hiếu	19H5CLC	01/01/2001	115,0	135,0	250,0	
473	100473	107200317	Nguyễn Thị Kim Hiếu	20KTHH2	23/10/2002	135,0	145,0	280,0	
474	100474	118190098	Nguyễn Trọng Hiếu	19QLCN1	04/09/2001	85,0	135,0	220,0	
475	100475	101180025	Nguyễn Trung Hiếu	18C1A	02/08/2000	95,0	115,0	210,0	
476	100476	105180239	Phạm Ngọc Hiếu	18DCLC2	16/01/2000	165,0	180,0	345,0	
477	100477	101190154	Phạm Văn Hiếu	19C1C	30/10/2001	105,0	110,0	215,0	
478	100478	105180081	Phạm Minh Hiếu	18D2	01/08/1998	125,0	155,0	280,0	
479	100479	106200016	Phan Trần Chí Hiếu	20DT1	01/05/2002	195,0	375,0	570,0	
480	100480	111190011	Phan Trung Hiếu	19THXD	01/03/2000	115,0	130,0	245,0	
481	100481	105180142	Thái Văn Hiếu	18D3	12/07/2000	125,0	140,0	265,0	
482	100482	101200431	Trần Hoàng Hiếu	20CKHK	10/05/2002	115,0	110,0	225,0	
483	100483	103180084	Trần Trung Hiếu	18C4B	23/08/2000	115,0	125,0	240,0	
484	100484	105190188	Trần Trung Hiếu	19TDHCLC1	23/01/2001	115,0	200,0	315,0	
485	100485	107200037	Văn Việt Hiếu	20H2	20/12/2001	vắng	vắng	vắng	
486	100486	107190014	Võ Thị Minh Hiếu	19H2CLC1	21/10/2001	140,0	220,0	360,0	
487	100487	103190058	Võ Văn Hiếu	19C4CLC2	04/01/2001	125,0	130,0	255,0	
488	100488	105190011	Vy Minh Hiếu	19DCLC1	10/12/2001	105,0	200,0	305,0	
489	100489	109180138	Huỳnh Ngọc Hiệp	18X3B	20/06/2000	100,0	175,0	275,0	
490	100490	105190054	Mai Văn Hiệp	19DCLC2	09/08/2001	140,0	120,0	260,0	
491	100491	106190151	Phạm Quốc Hiệp	19DTCLC4	03/07/2001	160,0	185,0	345,0	
492	100492	118190159	Trần Đình Hiệp	19QLCN2	06/04/2001	120,0	95,0	215,0	
493	100493	105200126	Đặng Quốc Hiếu	20D2	22/08/2002	105,0	110,0	215,0	
494	100494	106180020	Nguyễn Quang Hiếu	18DT1	19/07/2000	125,0	170,0	295,0	
495	100495	110180090	Nguyễn Thanh Hồng	18X1B	05/04/2000	145,0	150,0	295,0	
496	100496	117200016	Nguyễn Thị Thủy Hồng	20MT	09/11/2002	115,0	115,0	230,0	
497	100497	118190054	Nguyễn Thủy Hồng	19KXCLC2	26/10/2001	120,0	75,0	195,0	
498	100498	107180014	Trần Thị Hồng	18H2A	01/02/2000	165,0	145,0	310,0	
499	100499	107190072	Võ Thị Hồng	19H2CLC2	02/06/2001	120,0	195,0	315,0	
500	100500	118190051	Mai Thị Mỹ Hoa	19KXCLC2	15/08/2001	145,0	175,0	320,0	
501	100501	107190256	Trần Thị Mỹ Hoa	19SH1	18/07/2001	115,0	140,0	255,0	
502	100502	101190390	Hà Văn Hoàn	19CDTCLC3	08/12/2001	vắng	vắng	vắng	
503	100503	101190219	Nguyễn Trọng Hoàn	19C1D	10/01/2001	105,0	130,0	235,0	
504	100504	102190115	Võ Minh Hoàng	19TCLC_DT	12/04/2001	120,0	180,0	300,0	
505	100505	103180085	Hà Văn Hoàn	18C4B	02/11/2000	110,0	170,0	280,0	
506	100506	107190124	Huỳnh Thị Ngọc Hoàn	19H5CLC	04/09/2001	115,0	145,0	260,0	
507	100507	101190091	Nguyễn Đình Hoàn	19C1B	26/10/2001	125,0	80,0	205,0	
508	100508	107200196	Nguyễn Văn Hoàn	20KTHH1	21/06/2002	105,0	140,0	245,0	
509	100509	118200143	Trần Thị Thu Hoàn	20QLCN1	10/12/2002	95,0	100,0	195,0	
510	100510	103190148	Nguyễn Mậu Hoàn	19C4CLC4	05/05/2001	140,0	75,0	215,0	
511	100511	107180212	Nguyễn Túy Hoàn	18KTHH1	28/08/2000	105,0	310,0	415,0	
512	100512	103180023	Bùi Xuân Hoàng	18C4A	08/10/2000	145,0	145,0	290,0	

513	100513	101200432	Dương Văn Hoàng	20CKHK	17/02/2002	160,0	210,0	370,0	
514	100514	101190156	Đào Nhật Hoàng	19C1C	26/09/2001	150,0	170,0	320,0	
515	100515	102180011	Đặng Hữu Hoàng	18T1	03/12/2000	120,0	210,0	330,0	
516	100516	117200038	Đầu Quốc Hoàng	20QLMT	13/11/2002	vắng	vắng	vắng	
517	100517	101180103	Đinh Quốc Hoàng	18C1B	15/12/2000	vắng	vắng	vắng	
518	100518	105190338	Đinh Văn Hoàng	19TDHCLC4	28/04/2001	170,0	205,0	375,0	
519	100519	107180265	Đỗ Thị Hoàng	18KTHH2	21/11/2000	150,0	255,0	405,0	
520	100520	104180062	Hà Nguyễn Hoàng	18N2	09/05/2000	110,0	120,0	230,0	
521	100521	107190071	Hồ Tấn Hoàng	19H2CLC2	14/12/2000	185,0	295,0	480,0	
522	100522	105200127	Hoàng Cao Minh Hoàng	20D2	03/05/2002	150,0	100,0	250,0	
523	100523	109180017	Lê Bảo Hoàng	18VLXD	11/10/2000	70,0	145,0	215,0	
524	100524	102180012	Lê Kim Hoàng	18T1	23/02/2000	100,0	115,0	215,0	
525	100525	107190015	Lê Văn Hoàng	19H2CLC1	04/09/2001	145,0	120,0	265,0	
526	100526	101180172	Lê Xuân Hoàng	18CDT1	27/07/2000	180,0	180,0	360,0	
527	100527	101180027	Luong Việt Hoàng	18C1A	20/06/2000	vắng	vắng	vắng	
528	100528	106180144	Nguyễn Hoàng	18DT3	04/11/2000	140,0	175,0	315,0	
529	100529	103190059	Nguyễn Minh Hoàng	19C4CLC2	11/04/2001	150,0	255,0	405,0	
530	100530	101190391	Nguyễn Quý Hoàng	19CDTCLC3	18/11/2001	145,0	150,0	295,0	
531	100531	102180013	Nguyễn Thanh Hoàng	18T1	14/01/2000	260,0	370,0	630,0	
532	100532	109200125	Nguyễn Văn Hoàng	20X3	14/04/2002	110,0	75,0	185,0	
533	100533	118190011	Nguyễn Văn Hoàng	19KXCLC1	02/01/2001	vắng	vắng	vắng	
534	100534	105190100	Nguyễn Vũ Hoàng	19DCLC3	22/02/2001	105,0	240,0	345,0	
535	100535	101190284	Nguyễn Vũ Huy Hoàng	19CDTCLC1	12/08/2001	135,0	120,0	255,0	
536	100536	118200195	Phạm Minh Hoàng	20QLCN2	09/01/2001	80,0	80,0	160,0	
537	100537	109190010	Phạm Như Hoàng	19VLXD	20/05/2001	140,0	80,0	220,0	
538	100538	109200126	Phạm Việt Hoàng	20X3	11/02/2002	vắng	vắng	vắng	
539	100539	103200238	Phan Hữu Hoàng	20HTCN	23/01/2002	140,0	270,0	410,0	
540	100540	107180213	Trần Huy Hoàng	18KTHH1	28/04/2000	155,0	210,0	365,0	
541	100541	106190107	Trần Văn Hoàng	19DTCLC3	19/02/2001	vắng	vắng	vắng	
542	100542	110180023	Trương Việt Hoàng	18X1A	05/11/2000	120,0	175,0	295,0	
543	100543	105200301	Võ Minh Hoàng	20TDH1	30/10/2002	125,0	160,0	285,0	
544	100544	111180016	Võ Ngọc Hoàng	18THXD	09/01/2000	140,0	90,0	230,0	
545	100545	101180028	Võ Nguyễn Hoàng	18C1A	30/09/2000	100,0	130,0	230,0	
546	100546	103200239	Võ Phan Nhật Hoàng	20HTCN	08/10/1999	170,0	130,0	300,0	
547	100547	110200662	Võ Xuân Hoàng	20X1B	10/04/2002	155,0	185,0	340,0	
548	100548	105190389	Nguyễn Phi Tiến Hoàng	19TDHCLC5	01/06/2001	135,0	120,0	255,0	
549	100549	103200237	Bùi Công Hòa	20HTCN	28/05/2002	120,0	80,0	200,0	
550	100550	105190099	Bùi Văn Hữu Hòa	19DCLC3	27/12/2001	125,0	125,0	250,0	
551	100551	118190052	Huỳnh Kim Hòa	19KXCLC2	12/06/2001	250,0	320,0	570,0	
552	100552	101180102	Lê Văn Hòa	18C1B	06/11/2000	190,0	180,0	370,0	
553	100553	102190263	Nguyễn Duy Hòa	19TCLC_DT	30/05/2001	145,0	175,0	320,0	
554	100554	118190010	Nguyễn Trọng Hòa	19KXCLC1	13/04/2001	110,0	115,0	225,0	
555	100555	105190055	Trang Phi Hồ	19DCLC2	22/02/2001	105,0	115,0	220,0	
556	100556	101180104	Nguyễn Văn Hợp	18C1B	26/05/2000	180,0	80,0	260,0	
557	100557	104200008	Trần Đức Hợp	20N	22/09/2002	135,0	180,0	315,0	
558	100558	111190016	Đặng Hữu Hưng	19THXD	15/02/2001	155,0	205,0	360,0	
559	100559	105200302	Đặng Minh Hưng	20TDH1	25/07/2002	150,0	175,0	325,0	
560	100560	105190058	Đặng Thanh Hưng	19DCLC2	02/02/2001	170,0	280,0	450,0	
561	100561	109200127	Đoàn Đại Hưng	20X3	28/06/2002	105,0	150,0	255,0	
562	100562	101200099	Hoàng Trung Hưng	20C1B	18/04/2002	120,0	140,0	260,0	
563	100563	104180014	Huỳnh Hữu Hưng	18N1	01/05/2000	105,0	290,0	395,0	
564	100564	105180291	Lê Văn Hưng	18TDH1	17/09/2000	190,0	225,0	415,0	
565	100565	105190102	Nguyễn Bảo Hưng	19DCLC3	14/07/2001	190,0	230,0	420,0	
566	100566	105180197	Nguyễn Hữu Hưng	18DCLC1	17/05/2000	160,0	115,0	275,0	
567	100567	117180111	Nguyễn Khắc Hưng	18QLMT	20/11/1999	145,0	140,0	285,0	
568	100568	105190390	Nguyễn Phúc Nhật Hưng	19TDHCLC5	28/07/2001	110,0	255,0	365,0	
569	100569	101200437	Nguyễn Thành Hưng	20CKHK	17/12/2002	190,0	250,0	440,0	
570	100570	104180015	Phạm Anh Hưng	18N1	03/03/2000	160,0	255,0	415,0	
571	100571	109180078	Phạm Quốc Hưng	18X3A	12/05/2000	vắng	vắng	vắng	
572	100572	101180106	Phan Đức Hưng	18C1B	15/08/2000	155,0	170,0	325,0	
573	100573	105180085	Trần Nhật Hưng	18D2	23/03/2000	135,0	150,0	285,0	
574	100574	107190017	Trương Thoại Hưng	19H2CLC1	17/02/2001	140,0	175,0	315,0	
575	100575	107180077	Nguyễn Thị Thanh Hương	18H2B	23/05/2000	100,0	220,0	320,0	
576	100576	118200196	Nguyễn Thị Thu Hương	20QLCN2	25/03/2002	85,0	145,0	230,0	
577	100577	117180070	Võ Thị Hương	18QLMT	02/02/2000	100,0	140,0	240,0	
578	100578	103180205	Hoàng Sĩ Hương	18KTTT	22/10/2000	155,0	150,0	305,0	
579	100579	105190057	Bùi Thành Huân	19DCLC2	01/01/2001	115,0	80,0	195,0	
580	100580	117180013	Phan Thanh Gia Huân	18MT	01/12/2000	170,0	100,0	270,0	
581	100581	118180017	Cao Thị Huệ	18KX	06/10/2000	145,0	160,0	305,0	
582	100582	107180214	Phạm Thị Mỹ Huệ	18KTHH1	20/02/2000	vắng	vắng	vắng	
583	100583	101200225	Trương Văn Hùng	20CDT1	26/02/2002	160,0	160,0	320,0	
584	100584	104180065	Bùi Ngọc Trường Huy	18N2	06/10/2000	185,0	145,0	330,0	
585	100585	101200166	Bùi Vũ Nhật Huy	20C1C	05/07/2002	170,0	180,0	350,0	
586	100586	109180019	Cao Bùi Huy	18VLXD	21/03/2000	150,0	130,0	280,0	
587	100587	101180031	Đặng Văn Huy	18C1A	10/03/2000	165,0	160,0	325,0	
588	100588	107180320	Đinh Minh Huy	18SH	19/03/1998	145,0	90,0	235,0	
589	100589	107200321	Đoàn Hoàng Huy	20KTHH2	25/03/2002	180,0	225,0	405,0	
590	100590	101200226	Đỗ Quốc Huy	20CDT1	11/10/2002	210,0	290,0	500,0	
591	100591	101180236	Hà Khánh Huy	18CDT2	07/12/2000	160,0	115,0	275,0	
592	100592	105180026	Hồ Hoàng Huy	18D1	10/02/2000	vắng	vắng	vắng	
593	100593	103190150	Hồ Nguyễn Anh Huy	19C4CLC4	11/11/2001	140,0	300,0	440,0	
594	100594	101180108	Hoàng Anh Huy	18C1B	03/12/2000	vắng	vắng	vắng	
595	100595	105190341	Hoàng Quốc Huy	19TDHCLC4	18/08/2001	150,0	220,0	370,0	
596	100596	111180018	Hoàng Võ Ngọc Huy	18THXD	10/07/2000	115,0	175,0	290,0	
597	100597	106190110	Huỳnh Huy	19DTCLC3	02/08/2001	135,0	185,0	320,0	
598	100598	106200262	Lê Huỳnh Huy	20KTM2T	04/03/2002	105,0	140,0	245,0	
599	100599	109180079	Lê Minh Huy	18X3A	23/03/2000	145,0	145,0	290,0	
600	100600	103190061	Lê Quang Huy	19C4CLC2	21/05/2001	200,0	260,0	460,0	
601	100601	109180145	Lê Quang Huy	18X3B	24/01/2000	150,0	145,0	295,0	
602	100602	101200439	Lê Thanh Huy	20CKHK	01/02/2002	120,0	250,0	370,0	
603	100603	101190395	Lý Nhật Huy	19CDTCLC3	16/05/2001	255,0	180,0	435,0	
604	100604	118180019	Mai Lê Xuân Huy	18KX	12/10/2000	110,0	130,0	240,0	
605	100605	101200033	Ngô Đình Huy	20C1A	25/11/2002	vắng	vắng	vắng	
606	100606	101200440	Ngô Văn Huy	20CKHK	07/11/2002	125,0	170,0	295,0	
607	100607	107200199	Ngô Xuân Huy	20KTHH1	04/12/2002	125,0	120,0	245,0	
608	100608	105200128	Nguyễn Bá Nhật Huy	20D2	09/10/2002	155,0	330,0	485,0	
609	100609	110190014	Nguyễn Đăng Quốc Huy	19X1CLC1	14/08/2001	155,0	155,0	310,0	
610	100610	102180207	Nguyễn Kim Huy	18TCLC_DT	01/01/2000	275,0	355,0	630,0	
611	100611	105200303	Nguyễn Lê Sư Huy	20TDH1	31/05/2002	180,0	185,0	365,0	
612	100612	105180293	Nguyễn Mậu Huy	18TDH1	20/08/2000	185,0	100,0	285,0	
613	100613	106200019	Nguyễn Ngọc Huy	20DT1	22/05/2002	100,0	120,0	220,0	
614	100614	103190151	Nguyễn Phạm Gia Huy	19C4CLC4	10/07/2001	140,0	130,0	270,0	
615	100615	101200227	Nguyễn Văn Huy	20CDT1	22/07/2002	125,0	160,0	285,0	
616	100616	107190075	Nguyễn Văn Huy	19H2CLC2	07/07/2001	125,0	135,0	260,0	

617	100617	11820046	Nguyễn Văn Huy	20KX	23/02/2002	115,0	80,0	195,0	
618	100618	121190064	Phạm Gia Huy	19KTCLC2	09/03/2001	165,0	120,0	285,0	
619	100619	102170224	Phạm Minh Huy	17TCLC1	31/10/1999	vắng	vắng	vắng	
620	100620	103180091	Phạm Ngọc Huy	18C4B	05/12/2000	115,0	220,0	335,0	
621	100621	107200245	Phan Minh Huy	20SH1	25/10/2002	125,0	120,0	245,0	
622	100622	102180208	Trần Ngọc Huy	18TCLC_DT	14/10/2000	155,0	240,0	395,0	
623	100623	101200271	Trần Quang Huy	20CDT2	21/01/2002	475,0	430,0	905,0	
624	100624	105190104	Trần Quang Huy	19DCLC3	25/05/2001	140,0	205,0	345,0	
625	100625	106180024	Trần Quang Huy	18DT1	18/04/2000	110,0	140,0	250,0	
626	100626	105180028	Trương Thanh Huy	18D1	10/08/2000	110,0	110,0	220,0	
627	100627	106190112	Võ Nguyễn Quang Huy	19DTCLC3	25/12/2001	155,0	210,0	365,0	
628	100628	101190450	Võ Vương Huy	19CDTCLC4	25/08/2001	120,0	130,0	250,0	
629	100629	118190101	Đặng Thị ánh Huyền	19QLCN1	22/12/2001	245,0	235,0	480,0	
630	100630	107170302	Lê Thị Khánh Huyền	17H2CLC1	06/06/1999	210,0	255,0	465,0	
631	100631	117180016	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	18MT	13/10/2000	115,0	170,0	285,0	
632	100632	102180209	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	18TCLC_DT	10/06/2000	200,0	350,0	550,0	
633	100633	107200284	Phan Thanh Huyền	20SH2	12/05/2002	110,0	95,0	205,0	
634	100634	118200146	Phan Thanh Huyền	20QLCN1	28/09/2002	145,0	205,0	350,0	
635	100635	104200010	Ta Thị Huyền	20N	11/11/2002	95,0	135,0	230,0	
636	100636	107200200	Hồ Thị Huyền	20KTHH1	01/02/2002	155,0	195,0	350,0	
637	100637	101200228	Đinh Thế Huỳnh	20CDT1	16/07/2002	125,0	120,0	245,0	
638	100638	107200039	Cao Ngọc Hùng	20H2	20/09/2001	115,0	205,0	320,0	
639	100639	111180076	Đặng Ngọc Hùng	18X2	03/03/2000	90,0	120,0	210,0	
640	100640	107200243	Hồ Sĩ Hùng	20SH1	17/06/2002	90,0	110,0	200,0	
641	100641	107190016	Hoàng Minh Hùng	19H2CLC1	07/02/2001	170,0	260,0	430,0	
642	100642	118180102	Huỳnh Hùng	18QLCN	01/11/2000	170,0	200,0	370,0	
643	100643	101190021	Huỳnh Đình Hùng	19C1A	14/08/2001	115,0	185,0	300,0	
644	100644	103200287	Lê Ngọc Hùng	20KTTT	24/09/2002	140,0	160,0	300,0	
645	100645	105180241	Ngô Văn Hùng	18DCLC2	20/08/2000	150,0	150,0	300,0	
646	100646	111200070	Nguyễn Chí Hùng	20THXD2	12/02/2002	135,0	170,0	305,0	
647	100647	110180092	Nguyễn Thanh Hùng	18X1B	30/07/2000	115,0	195,0	310,0	
648	100648	101190157	Nguyễn Tiến Hùng	19C1C	30/05/2001	160,0	180,0	340,0	
649	100649	101190221	Nguyễn Văn Hùng	19C1D	01/03/2001	85,0	90,0	175,0	
650	100650	103180088	Nguyễn Văn Hùng	18C4B	20/12/2000	115,0	125,0	240,0	
651	100651	105190014	Phạm Anh Hùng	19DCLC1	02/01/2001	135,0	195,0	330,0	
652	100652	101170109	Phan Mạnh Hùng	17C1B	08/03/1999	115,0	130,0	245,0	
653	100653	117200039	Trần Minh Hùng	20QLMT	12/12/2002	150,0	135,0	285,0	
654	100654	117180014	Trình Tấn Hùng	18MT	25/06/1999	125,0	95,0	220,0	
655	100655	103180089	Nguyễn Mạnh Hữu	18C4B	04/03/2000	105,0	180,0	285,0	
656	100656	101200438	Nguyễn Xuân Hoàn Hữu	20CKHK	24/04/2002	155,0	240,0	395,0	
657	100657	111190019	Trần Minh Vĩnh Hữu	19THXD	21/01/2001	145,0	125,0	270,0	
658	100658	110190053	Võ Đình Hữu	19X1CLC2	09/08/2001	120,0	140,0	260,0	
659	100659	101180238	Huỳnh Hữu Ken	18CDT2	05/07/2000	125,0	140,0	265,0	
660	100660	105180149	Nguyễn Đình Kha	18D3	20/04/2000	125,0	200,0	325,0	
661	100661	101180177	Phan Quốc Kha	18CDT1	17/02/2000	125,0	170,0	295,0	
662	100662	101200442	Trần Dũng Kha	20CKHK	21/08/2002	vắng	vắng	vắng	
663	100663	103200245	Hoàng Long Khai	20HTCN	19/04/2002	150,0	90,0	240,0	
664	100664	101180034	Lâm Hoàng Khang	18C1A	10/04/2000	125,0	115,0	240,0	
665	100665	105200335	Lê Hữu Khang	20TDH2	10/07/2002	155,0	195,0	350,0	
666	100666	101180240	Lê Minh Khang	18CDT2	25/05/2000	145,0	125,0	270,0	
667	100667	118180021	Trần Văn Khang	18XK	17/05/2000	105,0	145,0	250,0	
668	100668	118190016	Lê Bảo Khanh	19KXCLC1	01/06/2001	vắng	vắng	vắng	
669	100669	101200169	Lê Hoàng Khanh	20C1C	16/11/2002	120,0	70,0	190,0	
670	100670	103190063	Nguyễn Duy Khải	19C4CLC2	21/12/2001	125,0	135,0	260,0	
671	100671	101190224	Nguyễn Quang Khải	19C1D	05/03/2001	135,0	110,0	245,0	
672	100672	105190105	Nguyễn Thế Khải	19DCLC3	28/11/2001	120,0	135,0	255,0	
673	100673	111200034	Nguyễn Văn Khải	20THXD1	15/11/2002	135,0	115,0	250,0	
674	100674	109170069	Văn Đức Khải	17X3	09/02/1999	135,0	180,0	315,0	
675	100675	111200112	Văn Quang Khải	20X2	04/07/2002	120,0	95,0	215,0	
676	100676	101180178	Võ Chi Khải	18CDT1	10/01/2000	105,0	200,0	305,0	
677	100677	118200198	Phan Quang Kháng	20QLCN2	02/10/2002	115,0	80,0	195,0	
678	100678	105200304	Hồ Xuân Khánh	20TDH1	02/02/2002	110,0	155,0	265,0	
679	100679	103180092	Lê Trần Văn Khánh	18C4B	01/04/1997	145,0	210,0	355,0	
680	100680	101170246	Nguyễn Khánh	17CDT2	31/03/1999	125,0	140,0	265,0	
681	100681	106190160	Nguyễn Bảo Khánh	19DTCLC4	20/11/2001	160,0	135,0	295,0	
682	100682	105180360	Nguyễn Duy Khánh	18TDH2	12/08/2000	vắng	vắng	vắng	
683	100683	106200056	Nguyễn Đình Khánh	20DT2	13/03/2001	100,0	50,0	150,0	
684	100684	101200444	Nguyễn Đức Khánh	20CKHK	23/12/2002	145,0	150,0	295,0	
685	100685	109180024	Nguyễn Đức Khánh	18VLXD	12/10/2000	150,0	120,0	270,0	
686	100686	103190209	Nguyễn Quốc Khánh	19HTCN	24/04/2001	185,0	140,0	325,0	
687	100687	105180089	Nguyễn Quốc Khánh	18D2	18/04/2000	120,0	145,0	265,0	
688	100688	111200075	Phạm Đức Khánh	20THXD2	11/05/2002	135,0	130,0	265,0	
689	100689	117180017	Phan Hữu Khánh	18MT	10/10/2000	165,0	135,0	300,0	
690	100690	104200011	Phùng Văn Khánh	20N	15/09/2002	85,0	100,0	185,0	
691	100691	101200103	Trần An Khánh	20C1B	19/03/2002	100,0	140,0	240,0	
692	100692	101200170	Trần Đình Khánh	20C1C	25/03/2002	105,0	130,0	235,0	
693	100693	101170303	Trương Văn Khánh	17CDT3	05/05/1999	125,0	150,0	275,0	
694	100694	117180074	Chung Vĩnh Khiêm	18QLMT	29/10/2000	115,0	170,0	285,0	
695	100695	105180030	Phạm Tấn Khiêm	18D1	01/11/2000	190,0	140,0	330,0	
696	100696	117180075	Nguyễn Ngọc Khôi	18QLMT	28/02/2000	vắng	vắng	vắng	
697	100697	105180090	Hoàng Văn Khoa	18D2	19/08/2000	195,0	205,0	400,0	
698	100698	109180025	Lê Anh Khoa	18VLXD	03/02/2000	vắng	vắng	vắng	
699	100699	110200032	Lê Phước Khoa	20X1A	24/10/2002	160,0	210,0	370,0	
700	100700	101180181	Nguyễn Minh Khoa	18CDT1	02/12/2000	vắng	vắng	vắng	
701	100701	102190270	Phạm Quốc Khoa	19TCLC_DT	19/11/2001	120,0	155,0	275,0	
702	100702	110180100	Trần Hưng Khoa	18X1B	05/01/2000	145,0	115,0	260,0	
703	100703	118200147	Đào Vũ Minh Khuê	20QLCN1	04/09/2001	vắng	vắng	vắng	
704	100704	107180079	Huỳnh Lê Khuyến	18H2B	04/04/2000	140,0	210,0	350,0	
705	100705	110200067	Lê Văn Khuyến	20X1B	13/01/2002	75,0	140,0	215,0	
706	100706	117180019	Nguyễn Phan Linh Kiều	18MT	19/04/2000	145,0	130,0	275,0	
707	100707	105180247	Chu Minh Kiên	18DCLC2	08/11/2000	180,0	145,0	325,0	
708	100708	111180023	Đoàn Quang Kiên	18THXD	22/09/1999	140,0	125,0	265,0	
709	100709	105200093	Lê Trọng Kiên	20D1	03/01/2002	115,0	150,0	265,0	
710	100710	105190430	Phạm Trung Kiên	19DCLC4	21/05/2001	180,0	260,0	440,0	
711	100711	105180202	Trần Trung Kiên	18DCLC1	01/06/2000	170,0	140,0	310,0	
712	100712	101170247	Lê Tuấn Kiệt	17CDT2	27/06/1999	110,0	170,0	280,0	
713	100713	102190271	Nguyễn Đăng Kiệt	19TCLC_DT	17/05/2001	250,0	230,0	480,0	
714	100714	121190067	Nguyễn Đình Kiệt	19KTCLC2	05/11/2001	140,0	130,0	270,0	
715	100715	107200285	Nguyễn Văn Anh Kiệt	20SH2	11/06/2002	150,0	150,0	300,0	
716	100716	105200131	Võ Mạnh Kiệt	20D2	02/02/1998	160,0	145,0	305,0	
717	100717	106200058	Võ Tuấn Kiệt	20DT2	14/11/2002	85,0	45,0	130,0	
718	100718	109200131	Võ Huy Kim	20X3	28/11/2002	150,0	135,0	285,0	
719	100719	101200229	Dương Duy Kỳ	20CDT1	31/01/2002	135,0	140,0	275,0	
720	100720	101190099	Nguyễn Cao Kỳ	19C1B	20/08/2001	110,0	115,0	225,0	

721	100721	109180148	Trương Công Kỳ	18X3B	22/04/2000	160,0	125,0	285,0	
722	100722	121200024	Hoàng Tiến Lâm	20KT	18/02/2002	155,0	100,0	255,0	
723	100723	103200251	Nguyễn Hà Lâm	20HTCN	09/07/2002	150,0	125,0	275,0	
724	100724	107190021	Phan Thị Hương Lan	19H2CLC1	04/02/2001	235,0	235,0	470,0	
725	100725	103180207	Phạm Ngọc Lanh	18KTTT	25/04/2000	85,0	95,0	180,0	
726	100726	118190102	Nguyễn Thị Kim Lài	19QLCN1	24/03/2000	vắng	vắng	vắng	
727	100727	105180203	Nguyễn Văn Lành	18DCLC1	11/02/2000	225,0	210,0	435,0	
728	100728	110200068	Nguyễn Văn Lâm	20X1B	01/12/2002	155,0	75,0	230,0	
729	100729	102170166	Bùi Thành Lâm	17T3	12/05/1999	110,0	130,0	240,0	
730	100730	101200446	Đỗ Nguyễn Như Lâm	20CKHK	01/03/2002	145,0	180,0	325,0	
731	100731	103180095	Khuông Văn Lâm	18C4B	10/04/2000	145,0	115,0	260,0	
732	100732	101190163	Nguyễn Đại Phi Lâm	19C1C	20/07/2001	150,0	150,0	300,0	
733	100733	101190227	Nguyễn Ngọc Lâm	19C1D	03/10/2001	155,0	145,0	300,0	
734	100734	105190245	Phạm Ngọc Lâm	19TDHCLC2	25/07/2001	165,0	125,0	290,0	
735	100735	105180248	Trương Thiết Lâm	18DCLC2	13/09/2000	vắng	vắng	vắng	
736	100736	105200305	Trương Phan Lân	20TDH1	09/09/2002	75,0	95,0	170,0	
737	100737	107180270	Quý Công Lập	18KTHH2	14/03/2000	220,0	95,0	315,0	
738	100738	107200247	Lê Thị Hương Len	20SH1	15/02/2002	110,0	75,0	185,0	
739	100739	107190215	Hoàng Hữu Lễ	19KTHH2	16/05/2001	120,0	130,0	250,0	
740	100740	101200105	Nguyễn Tâm Dương Lễ	20C1B	03/10/2002	120,0	230,0	350,0	
741	100741	107190079	Phan Thị Lễ	19H2CLC2	09/03/2001	135,0	175,0	310,0	
742	100742	118190165	Võ Thị Mỹ Lễ	19QLCN2	30/04/2001	180,0	115,0	295,0	
743	100743	103200252	Nguyễn Công Lịch	20HTCN	29/05/2002	60,0	115,0	175,0	
744	100744	109180026	Bùi Ngọc Liêm	18VLDX	24/04/2000	105,0	195,0	300,0	
745	100745	107180218	Hoàng Thanh Liêm	18KTHH1	21/06/2000	150,0	160,0	310,0	
746	100746	118200048	Dương Thị Liên	20KX	02/07/2002	140,0	160,0	300,0	
747	100747	110190018	Đào Thị Kim Liên	19X1CLC1	05/09/2001	180,0	150,0	330,0	
748	100748	107200041	Phan Thị Diệu Liên	20H2	07/04/2002	140,0	230,0	370,0	
749	100749	107200043	Võ Thị Kim Liên	20H2	16/02/2002	165,0	220,0	385,0	
750	100750	101200447	Nguyễn Phan Ngọc Lin	20CKHK	03/12/2002	155,0	250,0	405,0	
751	100751	107200205	Châu Thị Mỹ Linh	20KTHH1	06/01/2002	135,0	95,0	230,0	
752	100752	107190023	Đặng Trinh Khánh Linh	19H2CLC1	19/04/2001	140,0	180,0	320,0	
753	100753	109180085	Đoàn Nguyễn Quang Linh	18X3A	16/10/1999	120,0	135,0	255,0	
754	100754	118200148	Hồ Bùi Mỹ Linh	20QLCN1	02/02/2002	120,0	120,0	240,0	
755	100755	101190291	Hoàng Thị Nhật Linh	19CDTCLC1	01/12/2001	185,0	305,0	490,0	
756	100756	102190172	Huỳnh Thị ái Linh	19TCLC_DT	21/05/2001	155,0	310,0	465,0	
757	100757	102190222	Huỳnh Thị Khánh Linh	19TCLC_DT	21/05/2001	225,0	350,0	575,0	
758	100758	101180114	Lê Ngọc Linh	18C1B	09/04/1998	120,0	135,0	255,0	
759	100759	107190216	Lê Thị Thuý Linh	19KTHH2	30/11/2001	170,0	200,0	370,0	
760	100760	121200025	Lê Thị Thủy Linh	20KT	13/07/2002	155,0	160,0	315,0	
761	100761	107180020	Lê Thị Trúc Linh	18H2A	02/12/2000	135,0	170,0	305,0	
762	100762	107200045	Ngô Thị Thủy Linh	20H2	07/02/2002	140,0	155,0	295,0	
763	100763	102180212	Nguyễn Bảo Linh	18TCLC_DT	01/02/2000	150,0	225,0	375,0	
764	100764	101180039	Nguyễn Quang Linh	18C1A	11/09/1999	190,0	120,0	310,0	
765	100765	118200050	Nguyễn Thị Linh	20KX	10/07/2002	135,0	140,0	275,0	
766	100766	101200230	Nguyễn Thị Mỹ Linh	20CDT1	06/06/2001	115,0	130,0	245,0	
767	100767	106190115	Nguyễn Văn Linh	19DTCLC3	20/09/2001	115,0	150,0	265,0	
768	100768	118190105	Nguyễn Văn Linh	19QLCN1	15/04/2001	125,0	115,0	240,0	
769	100769	105190196	Phạm Ngô Quyên Linh	19TDHCLC1	08/02/2001	vắng	vắng	vắng	
770	100770	104180019	Phạm Thị Mỹ Linh	18N1	28/07/2000	140,0	180,0	320,0	
771	100771	107180219	Phan Thị Linh	18KTHH1	16/08/2000	160,0	130,0	290,0	
772	100772	107200046	Trần Hoàng Khánh Linh	20H2	09/02/2002	155,0	130,0	285,0	
773	100773	118190106	Trương Quang Linh	19QLCN1	27/06/2001	105,0	75,0	180,0	
774	100774	101200448	Võ Phước Linh	20CKHK	11/06/2002	145,0	170,0	315,0	
775	100775	117180021	Thái Việt Linh	18MT	11/11/2000	140,0	160,0	300,0	
776	100776	107200047	Bùi Phước Thành Long	20H2	15/07/2002	110,0	270,0	380,0	
777	100777	101180040	Bùi Thanh Long	18C1A	23/04/1999	90,0	100,0	190,0	
778	100778	107190024	Đỗ Văn Hoàng Long	19H2CLC1	01/12/2001	135,0	150,0	285,0	
779	100779	111180078	Hà Hoàng Long	18X2	09/11/2000	185,0	405,0	590,0	
780	100780	109180151	Hồ Phi Long	18X3B	11/11/2000	125,0	240,0	365,0	
781	100781	106180029	Hồ Thành Long	18DT1	21/01/2000	125,0	170,0	295,0	
782	100782	109180029	Hoàng Tuấn Trường Long	18VLDX	09/04/2000	140,0	175,0	315,0	
783	100783	105180094	Lê Hoàng Long	18D2	30/07/2000	90,0	115,0	205,0	
784	100784	102180213	Lê Hữu Long	18TCLC_DT	04/08/2000	230,0	325,0	555,0	
785	100785	105170034	Lê Phi Long	17D1	29/08/1999	135,0	170,0	305,0	
786	100786	107170133	Ngô Thành Long	17KTHH1	02/10/1999	115,0	205,0	320,0	
787	100787	103180097	Ngô Tiến Long	18C4B	21/09/2000	180,0	135,0	315,0	
788	100788	105190020	Nguyễn Đình Long	19DCLC1	13/04/2001	145,0	130,0	275,0	
789	100789	105180155	Nguyễn Hoàng Long	18D3	23/03/2000	120,0	225,0	345,0	
790	100790	104180021	Nguyễn Hữu Long	18N1	09/07/2000	135,0	160,0	295,0	
791	100791	105190397	Nguyễn Hữu Hoàng Long	19TDHCLC5	04/07/2001	320,0	415,0	735,0	
792	100792	105180035	Nguyễn Như Long	18D1	14/07/2000	135,0	225,0	360,0	
793	100793	117180081	Nguyễn Quang Long	18QLMT	19/03/2000	115,0	205,0	320,0	
794	100794	101200231	Nguyễn Tăng Phi Long	20CDT1	21/04/2002	80,0	135,0	215,0	
795	100795	101200449	Nguyễn Tấn Long	20CKHK	11/03/2002	115,0	115,0	230,0	
796	100796	102180214	Nguyễn Thành Long	18TCLC_DT	06/01/2000	145,0	410,0	555,0	
797	100797	105180095	Nguyễn Trọng Long	18D2	04/11/2000	125,0	80,0	205,0	
798	100798	107180272	Phạm Phan Long	18KTHH2	05/11/2000	140,0	155,0	295,0	
799	100799	109190078	Phạm Việt Long	19CSHT	26/05/2001	125,0	75,0	200,0	
800	100800	110190019	Phan Đức Long	19X1CLC1	11/06/2001	120,0	90,0	210,0	
801	100801	109200132	Phạm Ngọc Long	20X3	09/02/2002	95,0	90,0	185,0	
802	100802	107180221	Phan Văn Phi Long	18KTHH1	20/04/2000	165,0	185,0	350,0	
803	100803	101180187	Trần Văn Tiến Long	18CDT1	21/04/2000	110,0	230,0	340,0	
804	100804	103180099	Võ Đức Long	18C4B	05/08/2000	125,0	175,0	300,0	
805	100805	109180089	Võ Nhật Long	18X3A	10/03/2000	110,0	140,0	250,0	
806	100806	103180035	Võ Phi Long	18C4A	25/09/2000	125,0	170,0	295,0	
807	100807	104180072	Võ Thành Long	18N2	12/01/2000	80,0	120,0	200,0	
808	100808	103190020	Hoàng Xuân Lộc	19C4CLC1	18/01/2001	95,0	130,0	225,0	
809	100809	105180033	Nguyễn Hữu Lộc	18D1	19/09/2000	135,0	270,0	405,0	
810	100810	106190162	Nguyễn Lê Xuân Lộc	19DTCLC4	27/07/2001	110,0	185,0	295,0	
811	100811	101190165	Nguyễn Tấn Lộc	19C1C	10/02/2001	120,0	130,0	250,0	
812	100812	101200173	Phạm Duy Lộc	20C1C	01/02/2002	100,0	130,0	230,0	
813	100813	105180093	Phạm Trần Tiến Lộc	18D2	23/12/2000	125,0	180,0	305,0	
814	100814	105190247	Hoàng Đức Lợi	19TDHCLC2	25/03/2001	95,0	90,0	185,0	
815	100815	105190063	Nguyễn Văn Lợi	19DCLC2	26/10/2001	135,0	100,0	235,0	
816	100816	105180205	Phan Thành Lợi	18DCLC1	24/02/2000	220,0	220,0	440,0	
817	100817	111180077	Trần Đại Lợi	18X2	05/05/1999	180,0	110,0	290,0	
818	100818	118180024	Võ Thi Lợi	18KX	22/02/2000	95,0	140,0	235,0	
819	100819	106190116	Lê Ngọc Lương	19DTCLC3	04/01/2001	135,0	155,0	290,0	
820	100820	104190025	Nguyễn Công Lương	19NCLC	27/04/2000	150,0	205,0	355,0	
821	100821	103200253	Trần Đức Lương	20HTCN		70,0	70,0	140,0	
822	100822	105200132	Trình Hiền Lương	20D2	16/01/2002	65,0	115,0	180,0	
823	100823	107190165	Bùi Xuân Lương	19KTHH1	24/12/2001	vắng	vắng	vắng	
824	100824	101200176	Nguyễn Ngọc Lương	20C1C	22/02/2002	115,0	185,0	300,0	

825	100825	101190230	Trần Xuân Lương	19C1D	16/05/2001	95,0	180,0	275,0	
826	100826	106200059	Lê Công Luân	20D1T	07/07/2002	80,0	75,0	155,0	
827	100827	103190067	Lê Thanh Luân	19C4CLC2	08/01/2001	140,0	110,0	250,0	
828	100828	104180023	Hoàng Đình Luật	18N1	10/06/2000	110,0	115,0	225,0	
829	100829	105200094	Nguyễn Trọng Luật	20D1	25/04/2002	90,0	100,0	190,0	
830	100830	105200095	Tôn Văn Luvển	18DT3	02/02/2002	180,0	90,0	270,0	
831	100831	106180154	Trần Công Luyt	18DT3	02/01/1996	135,0	200,0	335,0	
832	100832	101170252	Nguyễn Cảnh Lưc	17CDT2	24/02/1998	145,0	110,0	255,0	
833	100833	103190157	Nguyễn Tất Lưc	19C4CLC4	10/03/2001	110,0	115,0	225,0	
834	100834	101190103	Hồ Đăng Ly	19C1B	24/06/2001	145,0	175,0	320,0	
835	100835	107200248	Nguyễn Thị Khánh Ly	20SH1	22/06/2002	135,0	125,0	260,0	
836	100836	107200048	Nguyễn Thị Quý Ly	20H2	15/09/2002	105,0	170,0	275,0	
837	100837	117200043	Trương Thị Trúc Ly	20QLMT	17/08/2002	95,0	140,0	235,0	
838	100838	107180086	Hoàng Thi Lý	18H2B	01/01/2000	140,0	170,0	310,0	
839	100839	107190025	Nguyễn Thi Lý	19H2CLC1	04/10/2000	150,0	180,0	330,0	
840	100840	107190268	Nguyễn Thi Lý	19SH1	13/11/2001	210,0	150,0	360,0	
841	200841	109200134	Huỳnh Đức Mạnh	20X3	12/09/2002	115,0	100,0	215,0	
842	200842	105180303	Lê Danh Mạnh	18TDH1	07/11/2000	105,0	200,0	305,0	
843	200843	118200150	Đặng Thị Kim Mai	20QLCN1	21/02/2002	110,0	120,0	230,0	
844	200844	117180026	Nguyễn Lê Tuyết Mai	18MT	29/04/2000	90,0	150,0	240,0	
845	200845	118200202	Nguyễn Ngọc Mai	20QLCN2	28/02/2002	115,0	130,0	245,0	
846	200846	118190018	Nguyễn Thị Mai	19KXCLC1	16/07/2001	115,0	130,0	245,0	
847	200847	118200151	Nguyễn Thị Mai	20QLCN1	21/10/2002	100,0	50,0	150,0	
848	200848	107190219	Phan Thị Như Mai	19KTHH2	11/01/2001	120,0	125,0	245,0	
849	200849	110180036	Võ Văn Mãi	18X1A	26/10/2000	140,0	130,0	270,0	
850	200850	106180094	Lê Văn Mẫn	18DT2	20/04/2000	150,0	135,0	285,0	
851	200851	121190071	Lê Xuân Mễ	19KTCLC2	24/04/2001	200,0	100,0	300,0	
852	200852	107180273	Võ Văn Ngọc Mễ	18KTHH2	12/08/2000	160,0	175,0	335,0	
853	200853	106180095	Đặng Tiểu Minh	18DT2	27/01/2000	100,0	175,0	275,0	
854	200854	117200019	Hà Đức Minh	20MT	28/02/2002	200,0	170,0	370,0	
855	200855	109180032	Hồ Văn Minh	18VLXD	02/01/1997	125,0	100,0	225,0	
856	200856	110200070	Hoàng Trọng Minh	20X1B	01/10/2002	125,0	115,0	240,0	
857	200857	107200249	Lê Văn Minh	20SH1	08/08/2002	150,0	170,0	320,0	
858	200858	118200152	Lê Xuân Minh	20QLCN1	06/07/2002	120,0	185,0	305,0	
859	200859	105180252	Ngô Châu Minh	18DCLC2	10/02/2000	160,0	280,0	440,0	
860	200860	102180029	Nguyễn Nhật Minh	18T1	20/10/2000	125,0	225,0	350,0	
861	200861	101200451	Nguyễn Quang Minh	20CKHK	14/11/2002	vắng	vắng	vắng	
862	200862	105190109	Nguyễn Tấn Minh	19DCLC3	01/08/2001	180,0	140,0	320,0	
863	200863	106190024	Nguyễn Trần Minh	19DTCLC1	11/11/2001	275,0	295,0	570,0	
864	200864	109200135	Nguyễn Văn Minh	20X3	14/03/2002	125,0	100,0	225,0	
865	200865	118200204	Nguyễn Văn Minh	20QLCN2	27/03/2002	110,0	120,0	230,0	
866	200866	105190153	Phan Hồng Minh	19DCLC4	15/10/2001	135,0	185,0	320,0	
867	200867	118190019	Phan Vũ Tuấn Minh	19KXCLC1	10/05/2001	300,0	340,0	640,0	
868	200868	105190066	Trần Trương Công Minh	19DCLC2	07/05/2001	145,0	145,0	290,0	
869	200869	101190232	Lê Xuân Mùng	19C1D	05/05/2001	150,0	140,0	290,0	
870	200870	103200255	Bà Thị Trà My	20HTCN	17/09/2002	235,0	145,0	380,0	
871	200871	103200256	Lê Thị Diễm My	20HTCN	14/05/2002	135,0	120,0	255,0	
872	200872	118200051	Nguyễn Hoàng Trúc My	20KX	31/08/2002	140,0	195,0	335,0	
873	200873	118190111	Nguyễn Thị My	19QLCN1	22/01/2001	150,0	115,0	265,0	
874	200874	103200257	Phan Thị Thủy My	20HTCN		100,0	125,0	225,0	
875	200875	106180097	Phan Trung Mỹ	18DT2	05/11/1999	105,0	125,0	230,0	
876	200876	118200205	Hồ Thị Diệu Na	20QLCN2	23/10/2002	135,0	145,0	280,0	
877	200877	107200288	Hoàng Thị Ni Na	20SH2	02/07/2002	160,0	240,0	400,0	
878	200878	118200154	Nguyễn Thị Vi Na	20QLCN1	06/01/2002	120,0	175,0	295,0	
879	200879	110190021	Bà Phan Hoài Nam	19X1CLC1	12/01/2001	95,0	140,0	235,0	
880	200880	105190110	Bà Thành Nam	19DCLC3	07/03/2001	145,0	140,0	285,0	
881	200881	109180092	Cao Hải Nam	18X3A	25/01/2000	115,0	80,0	195,0	
882	200882	106190025	Đặng Ngọc Nam	19DTCLC1	20/12/2001	160,0	170,0	330,0	
883	200883	101190033	Lâm Chánh Nam	19C1A	07/12/2001	155,0	90,0	245,0	
884	200884	101200275	Lê Hoài Nam	20CDT2	18/01/2002	110,0	100,0	210,0	
885	200885	121190073	Lê Hoài Nam	19KTCLC2	25/04/2001	95,0	75,0	170,0	
886	200886	101200111	Lê Huy Nam	20C1B	10/12/2002	110,0	90,0	200,0	
887	200887	101190400	Lê Phương Nam	19CDTCLC3	13/06/2001	vắng	vắng	vắng	
888	200888	105200135	Lê Văn Nam	20D2	28/11/2002	135,0	135,0	270,0	
889	200889	101200232	Ngô Trần Hoài Nam	20CDT1	25/06/2002	145,0	115,0	260,0	
890	200890	103200258	Nguyễn Nam	20HTCN	27/02/2002	145,0	80,0	225,0	
891	200891	104180025	Nguyễn Đình Nam	18N1	09/06/2000	120,0	120,0	240,0	
892	200892	101190105	Nguyễn Hữu Nam	19C1B	07/02/2001	145,0	150,0	295,0	
893	200893	118200052	Nguyễn Nhật Nam	20KX	11/12/2002	135,0	180,0	315,0	
894	200894	105190201	Nguyễn Phương Nam	19TDHCLC1	10/03/2001	120,0	110,0	230,0	
895	200895	107200049	Nguyễn Phương Hoài Nam	20H2	11/02/2002	150,0	135,0	285,0	
896	200896	101180045	Nguyễn Quang Nam	18C1A	09/10/2000	165,0	130,0	295,0	
897	200897	111200080	Nguyễn Văn Nam	20THXD2	04/02/2002	155,0	135,0	290,0	
898	200898	109180093	Phạm Kỳ Nam	18X3A	28/11/2000	160,0	200,0	360,0	
899	200899	109180158	Phạm Thành Nam	18X3B	03/10/2000	125,0	255,0	380,0	
900	200900	101190293	Tô Thành Nam	19CDTCLC1	04/04/2001	120,0	130,0	250,0	
901	200901	105180158	Trần Nam	18D3	19/09/2000	105,0	110,0	215,0	
902	200902	109180094	Trần Phú Phương Nam	18X3A	20/12/2000	95,0	90,0	185,0	
903	200903	103180036	Trần Thanh Nam	18C4A	06/10/2000	110,0	160,0	270,0	
904	200904	109180159	Trần Văn Nam	18X3B	16/01/2000	65,0	155,0	220,0	
905	200905	107190221	Trình Duy Nam	19KTHH2	07/01/2001	100,0	145,0	245,0	
906	200906	110180107	Võ Nhật Nam	18X1B	25/04/2000	125,0	90,0	215,0	
907	200907	107190129	Lê Văn Nạn	19H5CLC	20/01/2000	125,0	110,0	235,0	
908	200908	107190027	Lê Thị Minh Nga	19H2CLC1	19/05/2001	125,0	220,0	345,0	
909	200909	107180088	Lý Thị Hằng Nga	18H2B	15/07/2000	135,0	170,0	305,0	
910	200910	118200155	Trần Thị Thanh Nga	20QLCN1	12/10/2002	95,0	180,0	275,0	
911	200911	107200250	Trình Phương Nga	20SH1	04/07/2002	120,0	160,0	280,0	
912	200912	118190114	Cao Thị Huỳnh Ngân	19QLCN1	19/10/2001	160,0	150,0	310,0	
913	200913	101200452	Đoàn Phan Tuyết Ngân	20CKHK	10/12/2002	180,0	295,0	475,0	
914	200914	107190028	Nguyễn Dương Thủy Ngân	19H2CLC1	26/11/2001	100,0	140,0	240,0	
915	200915	107200289	Nguyễn Hiếu Ngân	20SH2	16/01/2002	150,0	135,0	285,0	
916	200916	107190085	Nguyễn Thị Hà Ngân	19H2CLC2	10/01/2001	150,0	100,0	250,0	
917	200917	105200338	Nguyễn Trương Bảo Ngân	20TDH2	17/05/2002	195,0	345,0	540,0	
918	200918	118190177	Thái Thị Ngân	19QLCN2	25/08/2001	135,0	135,0	270,0	
919	200919	118190116	Trần Thị Mỹ Ngân	19QLCN1	16/01/2001	165,0	130,0	295,0	
920	200920	107200051	Trương Nguyễn Kim Ngân	20H2	08/04/2002	165,0	200,0	365,0	
921	200921	101200113	Lô Thái Nghiêm	20C1B	08/12/2002	115,0	80,0	195,0	
922	200922	105200136	Nguyễn Lập Nhiếp	20D2	12/02/2002	140,0	160,0	300,0	
923	200923	106190072	Đào Duy Nghĩa	19DTCLC2	15/10/2001	150,0	80,0	230,0	
924	200924	101180121	Đào Văn Nghĩa	18C1B	24/01/2000	195,0	135,0	330,0	
925	200925	118200054	Kiều Văn Quốc Nghĩa	20KX	09/05/2002	160,0	115,0	275,0	
926	200926	107200052	Nguyễn Kinh Nghĩa	20H2	11/11/2002	165,0	290,0	455,0	
927	200927	101200179	Nguyễn Thị Ngọc Nghĩa	20C1C	08/09/2002	100,0	125,0	225,0	
928	200928	101180254	Nguyễn Trọng Nghĩa	18CDT2	16/09/2000	160,0	150,0	310,0	

929	200929	101180192	Nguyễn Văn Nghĩa	18CDT1	16/09/2000	185,0	185,0	370,0	
930	200930	103190193	Phan Nguyễn Trung Nghĩa	19KTTT	25/03/2001	135,0	150,0	285,0	
931	200931	102180217	Trần Đình Phước Nghĩa	18TCLC_DT	07/12/2000	255,0	210,0	465,0	
932	200932	101200045	Trần Trọng Nghĩa	20C1A	31/05/2002	135,0	140,0	275,0	
933	200933	107180223	Trần Văn Nghĩa	18KTHH1	07/11/1999	100,0	135,0	235,0	
934	200934	101190348	Trình Văn Nghĩa	19CDTCLC2	27/11/2001	vắng	vắng	vắng	
935	200935	111190025	Trương Văn Nghĩa	19THXD	04/09/2001	110,0	145,0	255,0	
936	200936	101200277	Lê Văn Ngo	20CDT2	28/03/2002	155,0	130,0	285,0	
937	200937	107200333	Bùi Vi Ngọc	20KTHH2	23/07/2002	145,0	140,0	285,0	
938	200938	117180029	Lê Thị Minh Ngọc	18MT	25/06/2000	145,0	75,0	220,0	
939	200939	107200053	Nguyễn Hữu Ngọc	20H2	30/10/2002	75,0	115,0	190,0	
940	200940	104200017	Tô Văn Ngọc	20N	25/04/2002	125,0	50,0	175,0	
941	200941	105190112	Trần Bảo Ngọc	19DCLC3	20/02/2001	95,0	65,0	160,0	
942	200942	118200207	Trần Thị Bích Ngọc	20QLCN2	01/01/2002	110,0	135,0	245,0	
943	200943	118190063	Đặng Lê Hoàng Nguyễn	19KXCLC2	25/12/2001	105,0	135,0	240,0	
944	200944	102180218	Đặng Nhật Nguyễn	18TCLC_DT	05/02/2000	210,0	295,0	505,0	
945	200945	103190160	Đặng Văn Nguyễn	19C4CLC4	29/01/2001	vắng	vắng	vắng	
946	200946	109200136	Đinh Khắc Trọng Nguyễn	20X3	09/03/2002	115,0	140,0	255,0	
947	200947	107200290	Hoàng Hạnh Nguyễn	20SH2	09/10/2002	90,0	140,0	230,0	
948	200948	101190170	Mai HoàNg Nguyễn	19C1C	06/09/2001	140,0	145,0	285,0	
949	200949	102190128	Nguyễn Công Nguyễn	19TCLC_DT	30/03/2001	190,0	170,0	360,0	
950	200950	106200062	Nguyễn Duy Tuấn Nguyễn	20DT2	21/08/2002	135,0	145,0	280,0	
951	200951	102180087	Nguyễn Hoàng Phương Ngu	18T2	29/09/2000	135,0	185,0	320,0	
952	200952	107200252	Phạm Hồng Nguyễn	20SH1	26/10/2002	180,0	275,0	455,0	
953	200953	101180047	Trần Cao Nguyễn	18C1A	24/02/2000	120,0	155,0	275,0	
954	200954	101200115	Trần Hoàng Nguyễn	20C1B	06/01/2002	95,0	170,0	265,0	
955	200955	118190022	Trần Văn Nguyễn	19KXCLC1	16/05/2001	110,0	130,0	240,0	
956	200956	109200137	Trần Trung Nguyễn	20X3	11/03/2002	100,0	95,0	195,0	
957	200957	107200291	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	20SH2	21/09/2002	150,0	225,0	375,0	
958	200958	104200019	Nguyễn Thanh Nhân	20N	24/04/2002	155,0	160,0	315,0	
959	200959	107200054	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20H2	15/11/2002	120,0	170,0	290,0	
960	200960	101190457	Nguyễn Văn Nhân	19CDTCLC4	04/11/2001	155,0	175,0	330,0	
961	200961	117200048	Tân Phạm Thanh Nhân	20QLMT	25/10/2002	65,0	130,0	195,0	
962	200962	110190062	Đoàn Đại Nhân	19X1CLC2	06/11/2001	150,0	195,0	345,0	
963	200963	101180122	Hồ Văn Nhân	18C1B	21/09/2000	110,0	185,0	295,0	
964	200964	104190027	Hồ Văn Thanh Nhân	19NCLC	25/07/2001	150,0	175,0	325,0	
965	200965	101190296	Huỳnh Bá Nhân	19CDTCLC1	28/03/2001	160,0	175,0	335,0	
966	200966	117200020	Huỳnh Văn Nhân	20MT	23/06/2002	145,0	125,0	270,0	
967	200967	110190102	Hứa Thiên Nhân	19X1CLC3	01/01/2001	170,0	175,0	345,0	
968	200968	104180076	Lê Ngọc Nhân	18N2	14/06/2000	140,0	160,0	300,0	
969	200969	118190023	Lê Nguyễn Tuê Nhân	19KXCLC1	07/09/2001	vắng	vắng	vắng	
970	200970	101190404	Nguyễn Đức Thiên Nhân	19CDTCLC3	13/05/2001	165,0	170,0	335,0	
971	200971	107200253	Nguyễn Văn Nhân	20SH1	14/04/2002	125,0	180,0	305,0	
972	200972	105190069	Phạm Việt Nhân	19DCLC2	10/11/2001	170,0	120,0	290,0	
973	200973	101200116	Phan Cảnh Nhân	20C1B	05/10/2002	115,0	180,0	295,0	
974	200974	101190107	Trần Đức Nhân	19C1B	14/05/2001	105,0	260,0	365,0	
975	200975	111180036	Vũ Trung Nhân	18THXD	14/08/2000	140,0	205,0	345,0	
976	200976	102190130	Nguyễn Tấn Nhật	19TCLC_DT	13/09/2001	170,0	210,0	380,0	
977	200977	105190253	Dương Tấn Nhật	19TDHCLC2	10/08/2001	110,0	135,0	245,0	
978	200978	101200183	Đặng Công Nhật	20C1C	08/12/2002	145,0	140,0	285,0	
979	200979	105190113	Đoàn Ngọc Nhật	19DCLC3	22/09/2001	125,0	110,0	235,0	
980	200980	103190072	Lê Anh Nhật	19C4CLC2	04/12/2000	115,0	65,0	180,0	
981	200981	106200238	Lê Minh Nhật	20K1MT1	13/05/2002	115,0	70,0	185,0	
982	200982	101180123	Lê Trung Nhật	18C1B	01/10/1999	160,0	90,0	250,0	
983	200983	109190056	Nguyễn Bảo Nhật	19X3CLC	25/02/2001	135,0	120,0	255,0	
984	200984	101200049	Nguyễn Minh Nhật	20C1A	24/03/2002	95,0	95,0	190,0	
985	200985	104200020	Phan Hoàng Nhật	20N	28/01/1999	90,0	270,0	360,0	
986	200986	118200057	Phan Minh Nhật	20KX	28/07/2002	125,0	225,0	350,0	
987	200987	105200137	Trần Kim Nhật	20D2	27/12/2002	140,0	225,0	365,0	
988	200988	101190351	Trần Thanh Nhật	19CDTCLC2	28/02/2001	160,0	135,0	295,0	
989	200989	107180330	Trần Văn Nhật	18SH	05/09/2000	95,0	110,0	205,0	
990	200990	101200234	Vũ Minh Nhật	20CDT1	19/08/2002	115,0	130,0	245,0	
991	200991	118200157	Huỳnh Thị Nhi	20QLCN1	22/12/2002	155,0	185,0	340,0	
992	200992	118200208	Đặng Thị Hiền Nhi	20QLCN2	20/01/2002	140,0	145,0	285,0	
993	200993	107200055	Đoàn Ngọc Uyên Nhi	20H2	06/06/2002	115,0	120,0	235,0	
994	200994	107190275	Hồ Thị Nhi	19SH1	20/10/2001	145,0	170,0	315,0	
995	200995	107190031	Huỳnh Trang Thảo Nhi	19H2CLC1	25/02/2001	170,0	210,0	380,0	
996	200996	107200292	Khổng Thị Linh Nhi	20SH2	09/08/2002	85,0	125,0	210,0	
997	200997	117200022	Nguyễn Hàn Đồng Nhi	20MT	14/01/2002	115,0	115,0	230,0	
998	200998	107190088	Nguyễn Thị Yên Nhi	19H2CLC2	16/01/2001	120,0	115,0	235,0	
999	200999	118180112	Phạm Phương Nhi	18QLCN	12/07/2000	150,0	95,0	245,0	
1000	201000	118190067	Phạm Thảo Nhi	19KXCLC2	28/02/2000	75,0	145,0	220,0	
1001	201001	107200056	Trần Thảo Nhi	20H2	01/01/2002	145,0	180,0	325,0	
1002	201002	107190032	Trần Thị Thanh Nhi	19H2CLC1	01/01/2001	170,0	80,0	250,0	
1003	201003	107180094	Trần Thị Yên Nhi	18H2B	01/01/2000	180,0	195,0	375,0	
1004	201004	107200254	Trương Thảo Tinh Nhi	20SH1	01/02/2001	235,0	345,0	580,0	
1005	201005	107190089	Vũ Hoàng Nhi	19H2CLC2	01/01/2001	125,0	160,0	285,0	
1006	201006	107190277	Vũ Thị Thủy Nhi	19SH1	07/07/2001	150,0	210,0	360,0	
1007	201007	111200042	Ngô Thanh Nhỏ	20THXD1	29/09/2002	180,0	150,0	330,0	
1008	201008	107200057	Tô Thị Quỳnh Như	20H2	11/08/2002	135,0	150,0	285,0	
1009	201009	110190063	Nguyễn Đình Nhuận	19X1CLC2	09/04/2001	150,0	120,0	270,0	
1010	201010	118200059	Lê Thị Hồng Nhung	20KX	28/02/2002	120,0	115,0	235,0	
1011	201011	107200255	Nguyễn Thị Phương Nhung	20SH1	24/04/2002	105,0	95,0	200,0	
1012	201012	107180095	Nguyễn Thị Thủy Nhung	18H2B	28/04/2000	150,0	95,0	245,0	
1013	201013	107200294	Nguyễn Thị Thủy Nhung	20SH2	10/07/2002	105,0	95,0	200,0	
1014	201014	118190068	Trương Thị Hồng Nhung	19KXCLC2	11/04/2001	110,0	235,0	345,0	
1015	201015	105190158	Huỳnh Tấn Nhut	19DCLC4	10/03/2001	135,0	45,0	180,0	
1016	201016	101190173	Phạm Hồng Nhut	19C1C	25/07/2001	135,0	255,0	390,0	
1017	201017	103200262	Lê Nguyễn Vĩnh Nin	20HTCN	03/04/2002	120,0	110,0	230,0	
1018	201018	107200256	Lê Nguyễn Đà Ninh	20SH1	15/11/2002	435,0	430,0	865,0	
1019	201019	118200209	Nguyễn Thị Nương	20QLCN2	07/11/2002	155,0	140,0	295,0	
1020	201020	117180032	Đặng Thị Huyền Ny	18MT	20/02/2000	115,0	120,0	235,0	
1021	201021	107200295	Hồ Thị Kiều Oanh	20SH2	19/01/2002	105,0	115,0	220,0	
1022	201022	118200060	Lê Thị Oanh	20KX	05/12/2002	145,0	115,0	260,0	
1023	201023	110200074	Đinh Hữu Pháp	20X1B	28/07/2002	135,0	135,0	270,0	
1024	201024	110200041	Lê Thiên Pháp	20X1A	11/03/2002	150,0	50,0	200,0	
1025	201025	110180111	Phan Văn Pháp	18X1B	03/07/2000	140,0	185,0	325,0	
1026	201026	103180041	Trần Minh Pháp	18C4A	18/01/2000	vắng	vắng	vắng	
1027	201027	101200453	Đặng Kim Phát	20CKHK	24/01/2002	125,0	135,0	260,0	
1028	201028	105180374	Huỳnh Đăng Phát	18TDH2	04/05/2000	145,0	120,0	265,0	
1029	201029	105190403	Huỳnh Lê Tấn Phát	19TDHCLC5	22/03/2001	170,0	180,0	350,0	
1030	201030	109190058	Nguyễn Phát	19X3CLC	21/09/2001	120,0	115,0	235,0	
1031	201031	101200454	Nguyễn Thế Phát	20CKHK	15/10/2002	120,0	110,0	230,0	
1032	201032	105190071	Đặng Hữu Phi	19DCLC2	19/06/2001	165,0	130,0	295,0	

1033	201033	117180086	Huỳnh Thị Yên Phi	18QLMT	30/05/2000	115,0	185,0	300,0	
1034	201034	117200051	Huỳnh Vũ Nhật Phi	20QLMT	31/10/2002	55,0	70,0	125,0	
1035	201035	106200064	Phạm Xuân Phi	20DT2	11/07/2002	140,0	145,0	285,0	
1036	201036	101200118	Trương Hoàng Phi	20C1B	28/02/2002	95,0	140,0	235,0	
1037	201037	105190115	Phan Xuân Pho	19DCLC3	21/08/2001	155,0	155,0	310,0	
1038	201038	105200100	Cao Xuân Phong	20D1	29/10/2002	170,0	135,0	305,0	
1039	201039	118190069	Lê Huỳnh Phong	19KXCLC2	24/08/2001	165,0	150,0	315,0	
1040	201040	103190073	Lê Trung Phong	19C4CLC2	01/05/2001	140,0	100,0	240,0	
1041	201041	105180162	Lê Xuân Phong	18D3	10/01/2000	120,0	220,0	340,0	
1042	201042	101200185	Nguyễn Châu Đại Phong	20C1C	24/03/2002	115,0	90,0	205,0	
1043	201043	101190174	Nguyễn Ngọc Phong	19C1C	16/06/2001	145,0	110,0	255,0	
1044	201044	111180081	Nguyễn Thế Phong	18X2	05/04/2000	170,0	175,0	345,0	
1045	201045	101190459	Nguyễn Xuân Phong	19CDTCLC4	21/03/2001	145,0	175,0	320,0	
1046	201046	101180195	Phan Tiến Phong	18CDT1	28/01/2000	285,0	255,0	540,0	
1047	201047	101200051	Trần Đình Nhật Phong	20C1A	07/10/2002	145,0	180,0	325,0	
1048	201048	106180103	Trần Văn Phong	18DT2	19/04/1999	105,0	145,0	250,0	
1049	201049	101180124	Võ Phong	18C1B	22/02/2000	145,0	170,0	315,0	
1050	201050	105190255	Nguyễn Văn Phúc	19TDHCLC2	12/10/2001	160,0	155,0	315,0	
1051	201051	117180033	Nguyễn Thị Kim Phụng	18MT	03/10/2000	vắng	vắng	vắng	
1052	201052	111200043	Nguyễn Văn Phụng	20THXD1	21/04/2001	120,0	65,0	185,0	
1053	201053	109200138	Đỗ Quốc Thiên Phương	20X3	04/11/2002	155,0	150,0	305,0	
1054	201054	107190092	Lê Ngọc Duy Phương	19H2CLC2	18/12/2001	185,0	205,0	390,0	
1055	201055	101200455	Nguyễn Đình Phương	20CKHK	26/03/2002	185,0	295,0	480,0	
1056	201056	106180166	Nguyễn Hữu Phương	18DT3	14/10/2000	145,0	125,0	270,0	
1057	201057	117190022	Nguyễn Thị Bích Phương	19QLMT	08/04/2001	120,0	125,0	245,0	
1058	201058	107190282	Nguyễn Thị Yên Phương	19SH1	01/08/2001	190,0	205,0	395,0	
1059	201059	118180117	Nguyễn Tuấn Phương	18QLCN	02/11/2000	75,0	100,0	175,0	
1060	201060	102170046	Phạm Văn Phương	17T1	29/07/1999	90,0	145,0	235,0	
1061	201061	107180228	Võ Văn Quốc Phương	18KTHH1	29/02/2000	165,0	155,0	320,0	
1062	201062	107200214	Bùi Mai Hữu Phước	20KTHH1	01/01/2002	140,0	200,0	340,0	
1063	201063	107200059	Đào Thiên Phước	20H2	12/02/2002	155,0	130,0	285,0	
1064	201064	121200035	Hà Quang Phước	20KT	30/09/2002	105,0	160,0	265,0	
1065	201065	106200240	Huỳnh Vũ Đình Phước	20KTM1	26/01/2002	140,0	120,0	260,0	
1066	201066	105190073	Nguyễn Duy Phước	19DCLC2	19/02/2001	155,0	100,0	255,0	
1067	201067	109180041	Nguyễn Duy Phước	18VLXD	20/02/2000	115,0	160,0	275,0	
1068	201068	101200120	Nguyễn Văn Phước	20C1B	13/01/2002	125,0	145,0	270,0	
1069	201069	101190239	Phạm Công Phước	19C1D	07/06/2001	190,0	145,0	335,0	
1070	201070	109190059	Trần Duy Phước	19X3CLC	09/07/2001	110,0	135,0	245,0	
1071	201071	101190353	Trần Minh Phước	19CDTCLC2	08/06/2001	155,0	180,0	335,0	
1072	201072	102190283	Trương Minh Phước	19TCLC_DT	10/08/2001	150,0	270,0	420,0	
1073	201073	106180105	Trương Văn Phước	18DT2	25/03/2000	155,0	170,0	325,0	
1074	201074	118180037	Lê Thị Kim Phương	18KX	29/10/2000	145,0	285,0	430,0	
1075	201075	107180035	Nguyễn Thị Thủy Phương	18H2A	06/07/2000	110,0	115,0	225,0	
1076	201076	105180164	Nguyễn Văn Phương	18D3	03/02/2000	110,0	220,0	330,0	
1077	201077	117180036	Trương Thị Phương	18MT	10/10/2000	105,0	100,0	205,0	
1078	201078	104180079	Lê Mỹ Phương	18N2	07/08/2000	vắng	vắng	vắng	
1079	201079	105200101	Dương Văn Phú	20D1	30/04/2002	90,0	95,0	185,0	
1080	201080	105200139	Lê Anh Phú	20D2	04/05/2002	110,0	130,0	240,0	
1081	201081	118200210	Lê Công Phú	20QLCN2	03/02/2002	195,0	175,0	370,0	
1082	201082	101200236	Lê Đoàn Phú	20CDT1	10/03/2002	145,0	155,0	300,0	
1083	201083	105190354	Lê Hữu Phú	19TDHCLC4	24/05/2001	180,0	235,0	415,0	
1084	201084	118200062	Lê Việt Phú	20KX	08/03/2002	155,0	235,0	390,0	
1085	201085	109180164	Nguyễn Văn Phú	18X3B	18/10/2000	120,0	140,0	260,0	
1086	201086	101200237	Nguyễn Xuân Phú	20CDT1	11/09/2002	120,0	140,0	260,0	
1087	201087	104180029	Phan Thanh Phú	18N1	10/12/1998	155,0	160,0	315,0	
1088	201088	101200281	Võ Tấn Phú	20CDT2	01/09/2002	115,0	170,0	285,0	
1089	201089	117180087	Châu Thị Ngọc Phúc	18QLMT	06/07/2000	120,0	140,0	260,0	
1090	201090	106200065	Hà Phước Phúc	20DT2	29/08/2002	115,0	175,0	290,0	
1091	201091	105200140	Hoàng Phước Vĩnh Phúc	20D2	22/10/2002	120,0	135,0	255,0	
1092	201092	118180033	Lê Nguyễn Bảo Phúc	18KX	23/05/2000	150,0	115,0	265,0	
1093	201093	105180102	Lê Nguyễn Xuân Phúc	18D2	05/07/2000	150,0	170,0	320,0	
1094	201094	101190460	Nguyễn Công Phúc	19CDTCLC4	11/04/2001	135,0	75,0	210,0	
1095	201095	105190205	Nguyễn Duy Phúc	19TDHCLC1	04/11/2001	135,0	205,0	340,0	
1096	201096	101200186	Nguyễn Thành Phúc	20C1C	04/06/2002	115,0	185,0	300,0	
1097	201097	101190299	Nguyễn Thành Phúc	19CDTCLC1	09/04/2001	100,0	125,0	225,0	
1098	201098	105190160	Nguyễn Trung Phúc	19DCLC4	15/05/2001	160,0	145,0	305,0	
1099	201099	101200052	Nguyễn Văn Phúc	20C1A	16/05/2002	140,0	95,0	235,0	
1100	201100	101190175	Trần Bá Phúc	19C1C	02/01/2001	135,0	135,0	270,0	
1101	201101	107200058	Võ Đại Bảo Phúc	20H2	05/02/2002	190,0	220,0	410,0	
1102	201102	105200103	Võ Hồng Phúc	20D1	02/12/2002	115,0	170,0	285,0	
1103	201103	109200139	Đình Nhật Quang	20X3	11/12/2002	105,0	120,0	225,0	
1104	201104	106200032	Đình Văn Quang	20DT1	17/09/2001	110,0	130,0	240,0	
1105	201105	101200188	Lê Hồ Quang	20C1C	24/05/2002	140,0	115,0	255,0	
1106	201106	105190357	Nguyễn Hữu Phan Quang	19TDHCLC4	29/08/2001	150,0	205,0	355,0	
1107	201107	105190030	Nguyễn Duy Quang	19DCLC1	25/02/2001	110,0	120,0	230,0	
1108	201108	117180090	Nguyễn Duy Quang	18QLMT	05/10/2000	125,0	210,0	335,0	
1109	201109	101190242	Nguyễn Đăng Quang	19C1D	01/10/2000	200,0	225,0	425,0	
1110	201110	105200309	Nguyễn Đức Quang	20TDH1	21/05/2002	135,0	155,0	290,0	
1111	201111	106200067	Nguyễn Đình Lê Quang	20DT2	04/12/2002	140,0	125,0	265,0	
1112	201112	110190026	Nguyễn Xuân Quang	19X1CLC1	17/07/2001	120,0	95,0	215,0	
1113	201113	118200212	Phạm Bá Quang	20QLCN2	30/01/2002	110,0	120,0	230,0	
1114	201114	102190135	Phạm Ngọc Quang	19TCLC_DT	24/05/2001	155,0	205,0	360,0	
1115	201115	101180128	Trần Đức Quang	18C1B	10/01/2000	115,0	80,0	195,0	
1116	201116	102190235	Trần Nhật Quang	19TCLC_DT	02/01/2001	195,0	225,0	420,0	
1117	201117	118200063	Đỗ Văn Hoàng Quân	20KX	01/01/2002	100,0	70,0	170,0	
1118	201118	101190112	Hoàng Như Minh Quân	19C1B	09/07/2001	120,0	125,0	245,0	
1119	201119	101200239	Huỳnh Hữu Quân	20CDT1	21/06/2002	210,0	205,0	415,0	
1120	201120	105200141	Lê Nguyễn Trung Quân	20D2	16/09/1999	160,0	205,0	365,0	
1121	201121	111200084	Ngô Hồng Quân	20THXD2	26/03/2002	135,0	135,0	270,0	
1122	201122	106180106	Nguyễn Anh Quân	18DT2	09/11/2000	120,0	135,0	255,0	
1123	201123	109180166	Nguyễn Đình Quân	18X3B	10/02/2000	140,0	115,0	255,0	
1124	201124	101200283	Nguyễn Hữu Quân	20CDT2	05/05/2002	155,0	110,0	265,0	
1125	201125	101200053	Nguyễn Phú Quang Quân	20C1A	27/11/2002	140,0	155,0	295,0	
1126	201126	101190300	Nguyễn Văn Anh Quân	19CDTCLC1	27/10/2001	150,0	145,0	295,0	
1127	201127	101200456	Tôn Thất Anh Quân	20CKHK	11/03/2002	235,0	210,0	445,0	
1128	201128	101200457	Trần Anh Quân	20CKHK	13/07/2001	165,0	195,0	360,0	
1129	201129	101190408	Trần Đăng Quân	19CDTCLC3	21/03/2001	100,0	150,0	250,0	
1130	201130	101190042	Trần Đăng Tiến Quân	19C1A	07/02/2001	105,0	115,0	220,0	
1131	201131	104200023	Trần Minh Quân	20N	21/08/2002	210,0	255,0	465,0	
1132	201132	103200265	Trình Minh Quân	20HTCN	11/08/2002	95,0	100,0	195,0	
1133	201133	109190028	Võ Minh Quân	19VLXD	19/12/2001	165,0	80,0	245,0	
1134	201134	118200161	Võ Anh Quân	20QLCN1	09/01/2002	105,0	155,0	260,0	
1135	201135	101180317	Đàm Tiến Quốc	18CDTCLC	25/12/2000	180,0	185,0	365,0	
1136	201136	101200240	Đào Hữu Quốc	20CDT1	21/02/2002	110,0	120,0	230,0	

1137	201137	103190076	Huỳnh Đức Quốc	19C4CLC2	12/02/2001	95.0	100.0	195.0	
1138	201138	107180036	Lê Hữu Bảo Quốc	18H2A	01/02/2000	110.0	180.0	290.0	
1139	201139	105190358	Nguyễn Quốc	19TDHCLC4	21/02/2001	150.0	160.0	310.0	
1140	201140	101200189	Nguyễn Văn Quốc	20C1C	15/10/2002	160.0	80.0	240.0	
1141	201141	110190027	Nguyễn Văn Quốc	19X1CLC1	02/09/2001	185.0	125.0	310.0	
1142	201142	101200458	Phan Đoàn Anh Quốc	20CKHK	01/01/2002	135.0	175.0	310.0	
1143	201143	107190228	Trần Anh Quốc	19KTHH2	18/03/2001	145.0	100.0	245.0	
1144	201144	105190408	Võ Công Quốc	19TDHCLC5	09/05/2001	170.0	175.0	345.0	
1145	201145	105180166	Huỳnh Phi Quyền	18D3	08/06/2000	180.0	210.0	390.0	
1146	201146	105200310	Lê Văn Quyền	20TDH1	16/02/2002	75.0	115.0	190.0	
1147	201147	101200284	Nguyễn Phước Quyền	20CDT2	28/02/2002	160.0	150.0	310.0	
1148	201148	101190409	Nguyễn Văn Trần Quyền	19CDTCLC3	01/04/2001	165.0	195.0	360.0	
1149	201149	109200140	Từ Nguyễn Ngọc Quyền	20X3	16/04/2002	65.0	90.0	155.0	
1150	201150	105190209	Võ Đình Chánh Quyền	19TDHCLC1	07/09/2001	160.0	175.0	335.0	
1151	201151	107200217	Võ Thi Lê Quyền	20KTHH1	25/11/2002	120.0	130.0	250.0	
1152	201152	118180119	Đình Nguyễn Thị Nhật Quyền	18QLCN	08/11/2000	135.0	140.0	275.0	
1153	201153	118190186	Hà Thị Kim Quyền	19QLCN2	01/11/2001	105.0	170.0	275.0	
1154	201154	118190030	Nguyễn Thị Quyền	19KXCLC1	20/11/2001	50.0	295.0	345.0	
1155	201155	107200296	Nguyễn Thị Tú Quyền	20SH2	02/03/2002	80.0	160.0	240.0	
1156	201156	118180041	Đình Đức Quyền	18XK	14/06/2000	190.0	140.0	330.0	
1157	201157	107200258	Đình Hoàng Như Quỳnh	20SH1	29/08/2002	200.0	140.0	340.0	
1158	201158	107200297	Đông Thị Ngọc Quỳnh	20SH2	20/10/2002	120.0	125.0	245.0	
1159	201159	117190023	Lê Mai Như Quỳnh	19QLMT	19/07/2001	165.0	80.0	245.0	
1160	201160	118200163	Lê Thị Diễm Quỳnh	20QLCN1	01/11/2002	115.0	150.0	265.0	
1161	201161	118200215	Lê Tiểu Quỳnh	20QLCN2	14/07/2002	125.0	145.0	270.0	
1162	201162	107200060	Ngô Thị Như Quỳnh	20H2	07/02/2002	220.0	225.0	445.0	
1163	201163	103190166	Nguyễn Ngọc Quỳnh	19C4CLC4	01/05/2001	170.0	155.0	325.0	
1164	201164	118190031	Nguyễn Nữ Phương Quỳnh	19KXCLC1	05/11/2001	155.0	140.0	295.0	
1165	201165	117200025	Nguyễn Thị Kim Quỳnh	20MT	12/01/2002	160.0	210.0	370.0	
1166	201166	107200259	Trương Thị Diễm Quỳnh	20SH1	14/11/2002	190.0	285.0	475.0	
1167	201167	118190187	Võ Như Quỳnh	19QLCN2	16/10/2001	145.0	135.0	280.0	
1168	201168	110180050	Lê Đức Quý	18X1A	21/02/2000	100.0	145.0	245.0	
1169	201169	110200043	Lê Hữu Thiên Quý	20X1A	06/07/2002	80.0	65.0	145.0	
1170	201170	118200162	Lê Văn Quý	20QLCN1	15/07/2002	135.0	175.0	310.0	
1171	201171	101180055	Nguyễn Văn Quý	18C1A	18/09/2000	vắng	vắng	vắng	
1172	201172	105190118	Nguyễn Văn Quý	19DCLC3	21/02/2001	165.0	170.0	335.0	
1173	201173	111200086	Tống Việt Quý	20THXD2	26/02/2002	90.0	100.0	190.0	
1174	201174	103200294	Trương Văn Quý	20KTTT	12/10/2002	85.0	120.0	205.0	
1175	201175	101190243	Võ Đức Rin	19C1D	07/06/2001	135.0	135.0	270.0	
1176	201176	105190162	Nguyễn Đăng Rớt	19DCLC4	15/09/2001	135.0	120.0	255.0	
1177	201177	101200459	Dương Văn Sang	20CKHK	12/06/2002	135.0	160.0	295.0	
1178	201178	110190068	Lê Văn Sang	19X1CLC2	04/04/2001	135.0	155.0	290.0	
1179	201179	101200241	Nguyễn Thanh Sang	20CDT1	05/03/2002	115.0	110.0	225.0	
1180	201180	110180118	Phan Văn Sang	18X1B	10/11/2000	95.0	70.0	165.0	
1181	201181	106190079	Tôn Thái Thanh Sang	19DTCLC2	12/01/2001	165.0	140.0	305.0	
1182	201182	117180093	Trần Thị Thu Sang	18QLMT	16/04/2000	110.0	140.0	250.0	
1183	201183	107200061	Trần Thị Ngọc Sáng	20H2	28/03/2002	85.0	140.0	225.0	
1184	201184	118200164	Đình Thị Huyền Sâm	20QLCN1	03/07/2002	150.0	145.0	295.0	
1185	201185	103180046	Hồ Khắc Sâm	18C4A	26/04/2000	85.0	155.0	240.0	
1186	201186	107200298	Đoàn Hồ Quang Sinh	20SH2	27/02/2002	105.0	185.0	290.0	
1187	201187	106200034	Nguyễn Đức Sinh	20DT1	21/11/2002	135.0	120.0	255.0	
1188	201188	109180169	Nguyễn Trí Sinh	18X3B	09/03/2000	170.0	80.0	250.0	
1189	201189	105190409	Phan Tường Sinh	19TDHCLC5	01/01/2001	190.0	235.0	425.0	
1190	201190	118200065	Bùi Nguyễn Văn Sơn	20KX	02/06/2002	80.0	140.0	220.0	
1191	201191	101190117	Cao Trường Sơn	19C1B	27/01/2001	140.0	185.0	325.0	
1192	201192	107180339	Đình Ngọc Sơn	18SH	08/12/1998	135.0	95.0	230.0	
1193	201193	101190181	Hà Ngọc Sơn	19C1C	26/07/2001	145.0	100.0	245.0	
1194	201194	109180043	Hồ Hữu Hoàng Sơn	18VLXD	03/09/1999	120.0	140.0	260.0	
1195	201195	121190081	Hồ Văn Sơn	19KTCLC2	12/11/2001	160.0	125.0	285.0	
1196	201196	102190137	Hoàng Thái Sơn	19TCLC_DT	17/11/2001	190.0	140.0	330.0	
1197	201197	109190061	Huỳnh Tấn Quang Sơn	19X3CLC	01/10/2001	145.0	90.0	235.0	
1198	201198	111200087	Lê Giá Ngọc Sơn	20THXD2	01/10/2002	115.0	120.0	235.0	
1199	201199	101170322	Lê Hùng Sơn	17CDT3	01/03/1999	185.0	150.0	335.0	
1200	201200	105190075	Lê Ngọc Sơn	19DCLC2	28/09/2001	165.0	115.0	280.0	
1201	201201	107190037	Lê Ngọc Hoàng Sơn	19H2CLC1	21/08/2001	165.0	180.0	345.0	
1202	201202	103190077	Lê Phạm Thanh Sơn	19C4CLC2	16/10/2001	165.0	90.0	255.0	
1203	201203	101190245	Lê Thanh Sơn	19C1D	02/01/2001	105.0	120.0	225.0	
1204	201204	105190119	Nguyễn Hoài Sơn	19DCLC3	14/01/2001	135.0	185.0	320.0	
1205	201205	107200260	Nguyễn Lê Trung Sơn	20SH1	23/03/2002	155.0	110.0	265.0	
1206	201206	101200190	Nguyễn Quốc Sơn	20C1C	29/03/2002	135.0	130.0	265.0	
1207	201207	101180132	Nguyễn Thanh Sơn	18C1B	04/11/2000	85.0	150.0	235.0	
1208	201208	105190210	Nguyễn Thái Sơn	19TDHCLC1	01/05/2001	380.0	375.0	755.0	
1209	201209	117180039	Nguyễn Trường Sơn	18MT	02/01/2000	140.0	205.0	345.0	
1210	201210	118200066	Nguyễn Trường Sơn	20KX	19/06/2002	90.0	125.0	215.0	
1211	201211	101190182	Phạm Đại Sơn	19C1C	03/01/2001	125.0	120.0	245.0	
1212	201212	105190163	Trần Minh Sơn	19DCLC4	23/06/2001	160.0	110.0	270.0	
1213	201213	107200299	Trần Thanh Sơn	20SH2	10/01/2002	125.0	230.0	355.0	
1214	201214	103180217	Võ Ngọc Sơn	18KTTT	22/10/2000	140.0	140.0	280.0	
1215	201215	101200191	Võ Văn Sơn	20C1C	10/04/2002	150.0	70.0	220.0	
1216	201216	117180040	Châu Thị Như Sương	18MT	12/03/2000	155.0	100.0	255.0	
1217	201217	118200067	Trần Văn Sứ	20KX	07/09/2002	115.0	95.0	210.0	
1218	201218	101190303	Phan Minh Sứ	19CDTCLC1	15/01/2001	95.0	125.0	220.0	
1219	201219	109180044	Nguyễn Thanh Sứ	18VLXD	14/11/2000	95.0	115.0	210.0	
1220	201220	101180200	Võ Văn Sứ	18CDT1	29/12/2000	155.0	160.0	315.0	
1221	201221	109180045	Võ Văn Sứ	18VLXD	27/07/2000	125.0	135.0	260.0	
1222	201222	101200057	Dương Văn Tài	20C1A	18/01/2002	115.0	100.0	215.0	
1223	201223	102190038	Hồ Tài	19TCLC_DT	10/04/2001	210.0	195.0	405.0	
1224	201224	110180120	Hồ Văn Tài	18X1B	17/08/2000	110.0	135.0	245.0	
1225	201225	117180041	Hoàng Hữu Tài	18MT	11/01/2000	120.0	185.0	305.0	
1226	201226	107200063	Lê Văn Tài	20H2	30/05/2002	165.0	95.0	260.0	
1227	201227	105180047	Ngô Ngọc Tài	18D1	27/01/1999	vắng	vắng	vắng	
1228	201228	105190410	Nguyễn Anh Tài	19TDHCLC5	20/01/2001	145.0	210.0	355.0	
1229	201229	104200029	Nguyễn Bá Tài	20N	13/08/2002	110.0	185.0	295.0	
1230	201230	109180106	Nguyễn Bá Tài	18X3A	20/01/1999	vắng	vắng	vắng	
1231	201231	101180263	Nguyễn Hữu Tài	18CDT2	08/07/2000	105.0	145.0	250.0	
1232	201232	111180083	Nguyễn Phước Tài	18X2	17/01/2000	160.0	115.0	275.0	
1233	201233	101190183	Trần Trọng Tài	19C1C	16/02/2001	185.0	110.0	295.0	
1234	201234	109200143	Nguyễn Minh Tánh	20X3	26/10/2002	110.0	100.0	210.0	
1235	201235	105190120	Nguyễn Huy Tâm	19DCLC3	16/03/2001	220.0	210.0	430.0	
1236	201236	118200216	Nguyễn Thành Tâm	20QLCN2	25/04/2002	155.0	100.0	255.0	
1237	201237	105190164	Phạm Đình Tâm	19DCLC4	16/01/2001	145.0	145.0	290.0	
1238	201238	109200142	Võ Thành Tâm	20X3	20/06/2001	120.0	70.0	190.0	
1239	201239	105200107	Đặng Xuân Tân	20D1	02/03/2002	150.0	115.0	265.0	
1240	201240	107190038	Nguyễn Duy Tân	19H2CLC1	31/12/2001	280.0	305.0	585.0	

1241	201241	101180201	Nguyễn Ngọc Tân	18CDT1	14/07/2000	140.0	135.0	275.0	
1242	201242	101200460	Phan Đình Tân	20CKHK	14/04/2002	125.0	145.0	270.0	
1243	201243	103200269	Đinh Nhật Tây	20HTCN	18/12/2002	135.0	140.0	275.0	
1244	201244	106200071	Nguyễn Văn Tây	20DT2	13/02/2002	160.0	125.0	285.0	
1245	201245	101200126	Lê Tân	20C1B	17/05/2002	155.0	170.0	325.0	
1246	201246	103200268	Nguyễn Văn Tân	20HTCN	27/01/2002	160.0	140.0	300.0	
1247	201247	109200144	Trần Phan Ngọc Thạch	20X3	16/04/2002	165.0	155.0	320.0	
1248	201248	101190306	Huỳnh Minh Thanh	19CDTCLC1	03/07/2001	185.0	195.0	380.0	
1249	201249	101200288	Lê Chi Thanh	20CDT2	20/04/2002	115.0	120.0	235.0	
1250	201250	101190051	Lê Công Thanh	19C1A	19/03/2001	180.0	155.0	335.0	
1251	201251	101200463	Nguyễn Văn Thanh	20CKHK	14/08/2002	125.0	140.0	265.0	
1252	201252	118180130	Vũ Thanh Khải Thanh	18QLCN	02/09/2000	110.0	150.0	260.0	
1253	201253	105190166	Nguyễn Đình Thao	19DCLC4	25/04/2001	150.0	195.0	345.0	
1254	201254	101200196	Trình Thành Thao	20C1C	14/11/2002	145.0	195.0	340.0	
1255	201255	109180047	Bà Văn Thanh	18VLXD	22/11/2000	120.0	90.0	210.0	
1256	201256	121200038	Diệp Xuân Thanh	20KT	05/07/2002	110.0	140.0	250.0	
1257	201257	102190289	Dương Đình Thanh	19TCLC_DT	29/03/2001	110.0	160.0	270.0	
1258	201258	109180048	Đặng Xuân Thanh	18VLXD	08/06/2000	120.0	95.0	215.0	
1259	201259	117190026	Đình Thị Thanh	19QLMT	01/03/2001	80.0	145.0	225.0	
1260	201260	118200069	Luong Thi Thanh Thanh	20KX	10/12/2002	100.0	110.0	210.0	
1261	201261	105190034	Nguyễn Lương Thanh	19DCLC1	04/03/2001	120.0	100.0	220.0	
1262	201262	101190185	Nguyễn Văn Thanh	19C1C	02/11/2001	150.0	150.0	300.0	
1263	201263	103190034	Nguyễn Văn Thanh	19C4CLC1	20/04/2001	150.0	180.0	330.0	
1264	201264	121200039	Trần Nguyễn Phương Thanh	20KT	01/10/2002	200.0	230.0	430.0	
1265	201265	107200341	Trương Thị Thanh	20KTHH2	23/10/2001	85.0	80.0	165.0	
1266	201266	107190039	Vũ Thanh Thanh	19H2CLC1	28/11/2001	140.0	150.0	290.0	
1267	201267	101200287	Lê Đức Thành	20CDT2	20/11/2002	70.0	110.0	180.0	
1268	201268	105190313	Lưu Văn Thành	19TDHCLC3	23/10/2001	155.0	200.0	355.0	
1269	201269	101180265	Mai Trọng Thành	18CDT2	29/01/2000	70.0	110.0	180.0	
1270	201270	105200145	Nguyễn Đăng Thành	20D2	07/11/2002	115.0	145.0	260.0	
1271	201271	103180050	Nguyễn Nhật Thành	18C4A	05/09/2000	135.0	150.0	285.0	
1272	201272	105190078	Nguyễn Tấn Thành	19DCLC2	14/02/2001	145.0	185.0	330.0	
1273	201273	109180110	Nguyễn Văn Thành	18X3A	21/01/2000	185.0	110.0	295.0	
1274	201274	101200244	Phạm Trọng Thành	20CDT1	10/12/2002	180.0	225.0	405.0	
1275	201275	109170099	Trần Phước Quang Thành	17X3	17/11/1999	vắng	vắng	vắng	
1276	201276	118180131	Cao Thị Thảo	18QLCN	27/07/2000	155.0	155.0	310.0	
1277	201277	107170054	Dương Thị Thảo	17H2	04/11/1999	165.0	200.0	365.0	
1278	201278	118200165	Dương Thị Thu Thảo	20QLCN1	10/10/2002	110.0	110.0	220.0	
1279	201279	107190097	Hà Dược Thảo	19H2CLC2	30/04/2001	100.0	170.0	270.0	
1280	201280	118200217	Lâm Thị Thanh Thảo	20QLCN2	25/02/2002	105.0	145.0	250.0	
1281	201281	118180046	Lê Thị Thảo	18KX	20/02/2000	95.0	115.0	210.0	
1282	201282	107190041	Lê Uyên Thảo	19H2CLC1	24/09/2001	190.0	195.0	385.0	
1283	201283	107200343	Ngô Thị Thanh Thảo	20KTHH2	27/07/2002	145.0	150.0	295.0	
1284	201284	117200053	Nguyễn Thị Đa Thảo	20QLMT	01/02/2002	105.0	130.0	235.0	
1285	201285	107200065	Nguyễn Thị Phương Thảo	20H2	15/09/2002	105.0	195.0	300.0	
1286	201286	107200066	Nguyễn Thị Thu Thảo	20H2	02/02/2002	220.0	195.0	415.0	
1287	201287	107200067	Nguyễn Trần Thanh Thảo	20H2	23/09/2002	135.0	90.0	225.0	
1288	201288	121180037	Phan Thị Bích Thảo	18KTCLC1	31/01/2000	vắng	vắng	vắng	
1289	201289	118200167	Phan Thị Phương Thảo	20QLCN1	07/02/2002	95.0	115.0	210.0	
1290	201290	117200054	Trần Thị Phan Thảo	20QLMT	25/12/2002	105.0	100.0	205.0	
1291	201291	102190039	Đào Danh Thái	19TCLC_DT	03/11/2001	150.0	230.0	380.0	
1292	201292	109180173	Hoàng Đình Thái	18X3B	02/09/2000	vắng	vắng	vắng	
1293	201293	101190412	Huỳnh Quốc Thái	19CDTCLC3	15/10/2001	125.0	145.0	270.0	
1294	201294	107200064	Lê Thị Thanh Thái	20H2	07/10/2002	150.0	140.0	290.0	
1295	201295	101200127	Trần Đức Thái	20C1B	05/08/2002	115.0	195.0	310.0	
1296	201296	106190081	Trần Văn Thái	19DTCLC2	08/08/2001	120.0	90.0	210.0	
1297	201297	105200144	Bà Đức Thắng	20D2	24/01/2002	145.0	135.0	280.0	
1298	201298	103180048	Cao Huy Thắng	18C4A	26/08/2000	145.0	100.0	245.0	
1299	201299	118180044	Dương Hồng Thắng	18KX	01/07/2000	155.0	120.0	275.0	
1300	201300	103190124	Đinh Văn Thắng	19C4CLC3	27/01/2001	110.0	205.0	315.0	
1301	201301	109200145	Hoàng Đức Thắng	20X3	22/10/2002	140.0	90.0	230.0	
1302	201302	101200194	Nguyễn Đại Thắng	20C1C	08/03/2002	125.0	195.0	320.0	
1303	201303	110180121	Nguyễn Hữu Thắng	18X1B	12/12/2000	155.0	135.0	290.0	
1304	201304	101200461	Nguyễn Ngọc Thắng	20CKHK	11/12/2002	105.0	145.0	250.0	
1305	201305	111200050	Nguyễn Văn Thắng	20THXD1	10/10/2002	85.0	125.0	210.0	
1306	201306	111190033	Phạm Hữu Thắng	19THXD	12/11/2001	200.0	140.0	340.0	
1307	201307	101200242	Phan Hữu Thắng	20CDT1	29/01/2002	135.0	120.0	255.0	
1308	201308	105180108	Thái Văn Thắng	18D2	09/04/2000	70.0	160.0	230.0	
1309	201309	101190359	Trần Nhật Thắng	19CDTCLC2	01/03/2001	105.0	100.0	205.0	
1310	201310	102180226	Trần Quốc Thắng	18TCLC_DT	01/01/2000	160.0	180.0	340.0	
1311	201311	101190121	Trần Trung Thắng	19C1B	19/03/2001	75.0	95.0	170.0	
1312	201312	103200298	Trần Văn Thắng	20KTTT	25/02/2002	135.0	145.0	280.0	
1313	201313	118180045	Triệu Quang Thắng	18KX	19/03/2000	120.0	150.0	270.0	
1314	201314	118200068	Vương Hữu Thắng	20KX	26/01/2002	95.0	135.0	230.0	
1315	201315	106190130	Đoàn Ngọc Thịnh	19DTCLC3	20/06/2001	100.0	150.0	250.0	
1316	201316	101200197	Hoàng Văn Thịnh	20C1C	20/10/2002	115.0	120.0	235.0	
1317	201317	109180177	Huỳnh Đăng Thịnh	18X3B	05/04/2000	170.0	185.0	355.0	
1318	201318	107190099	Huỳnh Ngọc Thịnh	19H2CLC2	26/06/2000	150.0	145.0	295.0	
1319	201319	101190307	Lê Thịnh	19CDTCLC1	26/07/2001	145.0	240.0	385.0	
1320	201320	109180052	Lê Văn Thịnh	18VLXD	18/08/2000	150.0	95.0	245.0	
1321	201321	107180048	Lê Việt Thịnh	18H2A	01/07/2000	135.0	135.0	270.0	
1322	201322	110190034	Nguyễn Đức Thịnh	19X1CLC1	09/08/2001	160.0	175.0	335.0	
1323	201323	107180237	Nguyễn Đức Thịnh	18KTHH1	31/03/2000	100.0	80.0	180.0	
1324	201324	101200063	Nguyễn Vũ Nhật Thịnh	20C1A	24/11/2002	125.0	130.0	255.0	
1325	201325	103190127	Nguyễn Vũ Tấn Thịnh	19C4CLC3	21/03/2001	115.0	185.0	300.0	
1326	201326	111200053	Phạm Công Thịnh	20THXD1	08/01/2002	125.0	100.0	225.0	
1327	201327	105190427	Tăng Hiếu Thịnh	19TDHCLC3	26/05/2001	185.0	170.0	355.0	
1328	201328	101190053	Thái Văn Thịnh	19C1A	10/09/2001	135.0	120.0	255.0	
1329	201329	102180228	Trần Phước Thịnh	18TCLC_DT	19/09/2000	250.0	340.0	590.0	
1330	201330	104190038	Trương Quốc Thịnh	19NCLC	22/04/2001	120.0	120.0	240.0	
1331	201331	107200068	Nguyễn Thị Kim Thi	20H2	17/10/2002	120.0	125.0	245.0	
1332	201332	117200055	Nguyễn Thị Ngọc Thi	20QLMT	28/01/2002	160.0	140.0	300.0	
1333	201333	105180259	Tào Trọng Thi	18DCLC2	27/11/2000	180.0	225.0	405.0	
1334	201334	110180124	Trương Đăng Thi	18X1B	24/10/2000	115.0	80.0	195.0	
1335	201335	105180260	Nguyễn Vĩnh Thiệu	18DCLC2	30/04/1999	145.0	155.0	300.0	
1336	201336	103190081	Nguyễn Việt Thiên	19C4CLC2	05/10/2001	180.0	155.0	335.0	
1337	201337	105170059	Phan Quốc Thiên	17D1	10/07/1998	300.0	405.0	705.0	
1338	201338	105200146	Dương Đức Thiên	20D2	15/11/2002	160.0	120.0	280.0	
1339	201339	107190042	Huỳnh Đức Thiên	19H2CLC1	13/12/2001	230.0	185.0	415.0	
1340	201340	101200245	Lê Ngọc Thiên	20CDT1	18/12/2002	250.0	185.0	435.0	
1341	201341	103180225	Ngô Đình Thiên	18KTTT	15/03/2000	165.0	145.0	310.0	
1342	201342	103190126	Nguyễn Đăng Thiên	19C4CLC3	07/02/2001	185.0	155.0	340.0	
1343	201343	101200289	Nguyễn Đức Thiên	20CDT2	18/10/2002	120.0	155.0	275.0	
1344	201344	109200147	Nguyễn Hoàng Thiên	20X3	17/06/2002	105.0	135.0	240.0	

1345	201345	105190214	Nguyễn Văn Thiện	19TDHCLC1	05/01/2001	185.0	140.0	325.0	
1346	201346	101200130	Trần Phước Thiện	20C1B	02/09/2002	90.0	135.0	225.0	
1347	201347	105190123	Võ Văn Hoàng Thiện	19DCLC3	10/04/2001	220.0	270.0	490.0	
1348	201348	111200052	Hồ Đức Thịnh	20THXD1	20/07/2002	160.0	60.0	220.0	
1349	201349	103190171	Nguyễn Văn Thìn	19C4CLC4	26/06/2001	145.0	115.0	260.0	
1350	201350	101200246	Nguyễn Phúc Thọ	20CDT1	20/02/2002	115.0	150.0	265.0	
1351	201351	101200198	Nguyễn Xuân Thọ	20C1C	20/08/2002	155.0	100.0	255.0	
1352	201352	106180114	Nguyễn Công Thông	18DT2	28/11/2000	115.0	135.0	250.0	
1353	201353	117180048	Nguyễn Thành Thông	18MT	06/03/2000	80.0	175.0	255.0	
1354	201354	101200290	Nguyễn Văn Minh Thông	20CDT2	25/12/2002	95.0	120.0	215.0	
1355	201355	105190124	Vân Thông	19DCLC3	10/09/2000	230.0	225.0	455.0	
1356	201356	107190043	Nguyễn Lam Thoại	19H2CLC1	01/01/2001	110.0	145.0	255.0	
1357	201357	117190028	Phạm Thị Ngọc Thơ	19QLMT	27/05/2001	120.0	150.0	270.0	
1358	201358	107180289	Lê Thị Thom	18KTHH2	07/05/2000	155.0	100.0	255.0	
1359	201359	107190100	Trần Thị Thom	19H2CLC2	02/08/2001	180.0	175.0	355.0	
1360	201360	107190044	Hoàng Hà Anh Thư	19H2CLC1	29/01/2001	155.0	200.0	355.0	
1361	201361	107200263	Hoàng Hà Minh Thư	20SH1	09/05/2002	155.0	195.0	350.0	
1362	201362	118190077	Nguyễn Anh Thư	19KXCLC2	22/02/2001	200.0	135.0	335.0	
1363	201363	111200093	Nguyễn Lê Minh Thư	20THXD2	22/11/2002	80.0	195.0	275.0	
1364	201364	107200222	Võ Thị Anh Thư	20KTHH1	14/03/2002	125.0	150.0	275.0	
1365	201365	117190030	Hồ Hoài Thương	19QLMT	11/10/2001	125.0	195.0	320.0	
1366	201366	105190081	Lê Đình Thương	19DCLC2	15/03/2001	125.0	230.0	355.0	
1367	201367	103200299	Lê Thị Hoài Thương	20KTTT	10/09/2002	110.0	145.0	255.0	
1368	201368	118190195	Lê Thị Hòa Thương	19QLCN2	28/10/2001	110.0	140.0	250.0	
1369	201369	107200071	Lương Thị Thương	20H2	02/05/2002	120.0	175.0	295.0	
1370	201370	110200079	Nguyễn Thanh Thương	20X1B	25/03/2002	125.0	80.0	205.0	
1371	201371	118200169	Nguyễn Thị Thương	20QLCN1	28/10/2002	155.0	160.0	315.0	
1372	201372	118200072	Trần Thị Thương	20KX	03/11/2002	195.0	155.0	350.0	
1373	201373	105200346	Đặng Văn Thường	20TDH2	12/11/2002	170.0	270.0	440.0	
1374	201374	103180118	Đặng Thị Thu	18C4B	09/03/2000	185.0	195.0	380.0	
1375	201375	107200301	Lê Minh Thu	20SH2	09/11/2002	210.0	210.0	420.0	
1376	201376	118200219	Nguyễn Thị Kim Thu	20QLCN2	25/06/2002	155.0	155.0	310.0	
1377	201377	107180343	Trần Thị Thu	18SH	17/02/2000	150.0	175.0	325.0	
1378	201378	109200149	Đào Văn Thuận	20X3	04/12/2002	125.0	110.0	235.0	
1379	201379	101190125	Nguyễn Đăng Phi Thuận	19C1B	23/02/2001	145.0	140.0	285.0	
1380	201380	104180091	Trần Như Thuận	18N2	24/11/1999	135.0	115.0	250.0	
1381	201381	118190132	Đình Văn Thuận	19QLCN1	01/10/2001	115.0	125.0	240.0	
1382	201382	104200039	Đoàn Nguyễn Thuận	20N	18/05/2002	180.0	145.0	325.0	
1383	201383	105180112	Lê Xuân Thuận	18D2	21/02/2000	190.0	220.0	410.0	
1384	201384	101200199	Nguyễn Đức Thuận	20C1C	23/06/2002	165.0	130.0	295.0	
1385	201385	107200070	Nguyễn Thị Thuận	20H2	21/06/2002	165.0	195.0	360.0	
1386	201386	105190265	Phan Minh Thuận	19TDHCLC2	13/04/2001	210.0	210.0	420.0	
1387	201387	111200121	Thân Ngọc Thuận	20X2	02/11/2002	120.0	145.0	265.0	
1388	201388	105180261	Võ Lê Mai Thuận	18DCLC2	19/08/2000	115.0	125.0	240.0	
1389	201389	101170153	Lê Thạc Thủy	17C1B	06/02/1998	155.0	145.0	300.0	
1390	201390	101200291	Vân Thị Kim Thủy	20CDT2	22/08/2002	135.0	145.0	280.0	
1391	201391	107200072	Võ Thị Thanh Thủy	20H2	09/01/2002	165.0	135.0	300.0	
1392	201392	118190037	Nguyễn Thị Thu Thủy	19KXCLC1	19/09/2001	160.0	155.0	315.0	
1393	201393	107200302	Phan Thị Thủy	20SH2	01/01/2002	70.0	145.0	215.0	
1394	201394	103180227	Trần Xuân Thủy	18KTTT	30/07/1998	90.0	95.0	185.0	
1395	201395	105180053	Huyền Lê Thúc	18D1	27/05/2000	120.0	130.0	250.0	
1396	201396	105180113	Nguyễn Trần Thúc	18D2	26/07/2000	145.0	100.0	245.0	
1397	201397	107190236	Lê Thị Thanh Tiên	19KTHH2	27/02/2001	135.0	175.0	310.0	
1398	201398	102190292	Lê Viết Đại Tiên	19TCLC_DT	09/01/2001	155.0	110.0	265.0	
1399	201399	104200040	Hồ Anh Tiên	20N	11/06/2002	160.0	120.0	280.0	
1400	201400	106200247	Nguyễn Huỳnh Tiên	20KTMT1	26/03/2002	125.0	115.0	240.0	
1401	201401	118200073	Nguyễn Ngọc Hà Tiên	20KX	11/07/2002	170.0	185.0	355.0	
1402	201402	118200221	Dương Văn Tiên	20QLCN2	12/08/2002	125.0	90.0	215.0	
1403	201403	110200081	Đình Việt Tiên	20X1B	20/06/2002	120.0	160.0	280.0	
1404	201404	105180174	Đỗ Hồng Tiên	18D3	09/01/2000	150.0	170.0	320.0	
1405	201405	109190064	Hồ Văn Tiên	19X3CLC	15/08/2001	145.0	130.0	275.0	
1406	201406	103190173	Lê Chi Tiên	19C4CLC4	20/10/2000	95.0	110.0	205.0	
1407	201407	105200147	Lưu Mạnh Tiên	20D2	26/12/2002	235.0	200.0	435.0	
1408	201408	101200248	Ngô Trương Hoàng Tiên	20CDT1	06/06/2002	160.0	260.0	420.0	
1409	201409	103200270	Nguyễn Đình Tiên	20HTCN	02/11/2001	140.0	150.0	290.0	
1410	201410	105190415	Nguyễn Đình Tiên	19TDHCLC5	13/02/2001	105.0	180.0	285.0	
1411	201411	105200111	Nguyễn Minh Tiên	20D1	01/02/2002	125.0	180.0	305.0	
1412	201412	105190216	Nguyễn Quang Tiên	19TDHCLC1	16/06/1999	165.0	170.0	335.0	
1413	201413	105190038	Nguyễn Thành Tiên	19DCLC1	26/11/2001	155.0	185.0	340.0	
1414	201414	101190469	Nguyễn Văn Tiên	19CDTCLC4	10/07/2001	165.0	80.0	245.0	
1415	201415	111200054	Nguyễn Văn Tiên	20THXD1	25/07/2002	105.0	70.0	175.0	
1416	201416	103190084	Phạm Việt Tiên	19C4CLC2	28/05/2001	125.0	145.0	270.0	
1417	201417	103190129	Phan Minh Tiên	19C4CLC3	12/12/2001	120.0	110.0	230.0	
1418	201418	103180228	Trần Văn Tiên	18KTTT	09/02/2000	125.0	155.0	280.0	
1419	201419	106180116	Trương Công Tiên	18DT2	19/12/1996	140.0	155.0	295.0	
1420	201420	105190126	Võ Quang Tiên	19DCLC3	11/03/2001	115.0	145.0	260.0	
1421	201421	118200074	Nguyễn Hữu Bá Tiếp	20KX	08/01/2002	125.0	155.0	280.0	
1422	201422	107200073	Hà Thị Tinh	20H2	22/12/2002	145.0	135.0	280.0	
1423	201423	102180049	Lê Thị Tinh	18T1	18/06/2000	160.0	175.0	335.0	
1424	201424	118200075	Trần Thị Tinh	20KX	03/11/2002	140.0	135.0	275.0	
1425	201425	109180113	Phan Ngọc Tinh	18X3A	17/04/2000	145.0	90.0	235.0	
1426	201426	109200151	Trương Anh Tinh	20X3	24/05/2002	135.0	145.0	280.0	
1427	201427	101200293	Đoàn Công Tin	20CDT2	01/04/2001	155.0	125.0	280.0	
1428	201428	101200465	Đỗ Văn Tin	20CKHK	15/04/2002	140.0	150.0	290.0	
1429	201429	107180290	Huyền Thanh Tin	18KTHH2	18/02/2000	95.0	110.0	205.0	
1430	201430	101200201	Lê Văn Tin	20C1C	06/06/2002	245.0	230.0	475.0	
1431	201431	117190031	Mai Bá Tin	19QLMT	02/01/2001	155.0	95.0	250.0	
1432	201432	109200150	Nguyễn Anh Tin	20X3	01/06/2002	100.0	75.0	175.0	
1433	201433	118180054	Nguyễn Đăng Tin	18KX	06/09/2000	140.0	140.0	280.0	
1434	201434	117200027	Nguyễn Đình Tin	20MT	17/10/2002	vắng	vắng	vắng	
1435	201435	101190416	Nguyễn Thương Tin	19CDTCLC3	28/02/2001	185.0	140.0	325.0	
1436	201436	105170207	Nguyễn Văn Trung Tin	17D3	26/05/1999	230.0	270.0	500.0	
1437	201437	107190103	Lê Đức Tinh	19H2CLC2	03/06/2001	180.0	170.0	350.0	
1438	201438	110200049	Nguyễn Công Tinh	20X1A	17/04/2002	135.0	135.0	270.0	
1439	201439	118180136	Huyền Chánh Tôn	18QLCN	09/02/2000	125.0	90.0	215.0	
1440	201440	107190047	Trương Công Lộc Tôn	19H2CLC1	10/11/2001	vắng	vắng	vắng	
1441	201441	105180218	Huyền Minh Toán	18DCLC1	02/01/2000	165.0	140.0	305.0	
1442	201442	106190086	Hứa Việt Toán	19DTCLC2	22/09/2001	145.0	140.0	285.0	
1443	201443	109200152	Lâm Đình Toán	20X3	11/09/2002	135.0	100.0	235.0	
1444	201444	102190243	Nguyễn Thanh Toán	19TCLC_DT	22/11/2001	100.0	195.0	295.0	
1445	201445	101190418	Nguyễn Văn Toán	19CDTCLC3	09/05/2001	105.0	145.0	250.0	
1446	201446	101200135	Nguyễn Văn Toán	20C1B	09/11/2002	220.0	235.0	455.0	
1447	201447	104180092	Phạm Quốc Toán	18N2	08/05/2000	180.0	110.0	290.0	
1448	201448	111170046	Phan Đăng Toán	17THXD	15/04/1999	vắng	vắng	vắng	

1449	201449	121190087	Vân Hữu Toàn	19KTCLC2	10/06/2001	160,0	135,0	295,0	
1450	201450	105180176	Mai Quốc Toàn	18D3	10/02/2000	125,0	125,0	250,0	
1451	201451	107200074	Trần Duy Toàn	20H2	31/08/2002	95,0	120,0	215,0	
1452	201452	107200076	Hoàng Thị Thủy Trang	20H2	10/03/2002	85,0	135,0	220,0	
1453	201453	102180230	Huyền Nguyễn Phương Trang	18TCLC_DT	30/09/2000	240,0	240,0	480,0	
1454	201454	107180240	Lý Trang	18KTHH1	27/11/2000	120,0	80,0	200,0	
1455	201455	117190032	Trần Thị Thảo Trang	19QLMT	18/09/2001	110,0	125,0	235,0	
1456	201456	107200303	Trần Thị Thủy Trang	20SH2	03/01/2002	120,0	140,0	260,0	
1457	201457	117190033	Trần Thị Thủy Trang	19QLMT	01/04/2001	100,0	75,0	175,0	
1458	201458	107200075	Châu Thị Thanh Trà	20H2	27/11/2002	165,0	220,0	385,0	
1459	201459	105200347	Lương Thanh Trà	20TDH2	07/02/2002	230,0	260,0	490,0	
1460	201460	110200084	Nguyễn Hữu Trà	20X1B	02/11/2002	200,0	150,0	350,0	
1461	201461	117180051	Lê Hà Trâm	18MT	16/06/2000	150,0	130,0	280,0	
1462	201462	118200076	Nguyễn Ngọc Trâm	20KX	25/03/2002	110,0	185,0	295,0	
1463	201463	118200077	Nguyễn Ngọc Trâm	20KX	17/11/2002	110,0	175,0	285,0	
1464	201464	118200222	Nguyễn Trần Hoài Trâm	20QLCN2	26/08/2002	125,0	100,0	225,0	
1465	201465	107200264	Đoàn Hoàng Bảo Trâm	20SH1	21/05/2001	105,0	100,0	205,0	
1466	201466	107180293	Trần Đức Bình Tri	18KTHH2	25/10/1997	155,0	145,0	300,0	
1467	201467	101190311	Nguyễn Văn Tri	19CDTCLC1	19/11/2001	185,0	240,0	425,0	
1468	201468	101200137	Lê Minh Triều	20C1B	10/11/2002	170,0	225,0	395,0	
1469	201469	111200096	Phan Bá Triều	20THXD2	25/03/2002	135,0	130,0	265,0	
1470	201470	101190366	Nguyễn Công Triết	19CDTCLC2	19/06/2001	185,0	205,0	390,0	
1471	201471	105190127	Lê Văn Bá Triều	19DCLC3	16/02/2001	220,0	170,0	390,0	
1472	201472	105190318	Trần Đình Triều	19TDHCLC3	19/07/2001	140,0	150,0	290,0	
1473	201473	106190134	Huyền Thị Lê Trinh	19DTCLC3	23/10/2001	vắng	vắng	vắng	
1474	201474	118200172	Lê Thị Trinh	20QLCN1	06/11/2001	235,0	325,0	560,0	
1475	201475	107190050	Lê Thị Huyền Trinh	19H2CLC1	06/04/2001	180,0	185,0	365,0	
1476	201476	107200077	Lê Thị Mỹ Trinh	20H2	14/02/2002	135,0	135,0	270,0	
1477	201477	107200226	Nguyễn Thị Kiều Trinh	20KTHH1	31/10/2002	120,0	160,0	280,0	
1478	201478	118200224	Nguyễn Thị Thanh Trinh	20QLCN2	11/05/2002	120,0	210,0	330,0	
1479	201479	118200173	Thái Thị Phương Trinh	20QLCN1	21/02/2001	110,0	145,0	255,0	
1480	201480	107180350	Lê Bà Khánh Trinh	18SH	19/03/2000	110,0	135,0	245,0	
1481	201481	101170332	Lê Quang Minh Tri	17CDT3	11/08/1999	160,0	180,0	340,0	
1482	201482	103190131	Lê Văn Minh Tri	19C4CLC3	01/12/2001	100,0	80,0	180,0	
1483	201483	106190087	Lý Huỳnh Hữu Tri	19DTCLC2	20/10/2001	180,0	175,0	355,0	
1484	201484	101200294	Nguyễn Hữu Minh Tri	20CDT2	01/09/2002	145,0	135,0	280,0	
1485	201485	110180127	Nguyễn Ngọc Minh Tri	18X1B	15/08/2000	110,0	95,0	205,0	
1486	201486	102190294	Nguyễn Trần Minh Tri	19TCLC_DT	02/05/2001	140,0	160,0	300,0	
1487	201487	107200265	Phan Minh Tri	20SH1	04/01/2001	185,0	205,0	390,0	
1488	201488	101200466	Lê Văn Trọng	20CKHK	01/01/2002	100,0	115,0	215,0	
1489	201489	106200041	Nguyễn Văn Trọng	20DT1	17/12/2001	195,0	90,0	285,0	
1490	201490	105180177	Trần Văn Trọng	18D3	06/08/2000	95,0	125,0	220,0	
1491	201491	103180057	Bùi Thanh Trường	18C4A	26/08/2000	100,0	145,0	245,0	
1492	201492	105190084	Đặng Quang Trường	19DCLC2	18/05/2001	125,0	120,0	245,0	
1493	201493	104180097	Lê Ngọc Trường	18N2	28/05/1997	140,0	125,0	265,0	
1494	201494	104200046	Nguyễn Trường	20N	15/09/2002	140,0	60,0	200,0	
1495	201495	107200266	Nguyễn Đức Anh Trường	20SH1	04/05/2002	135,0	145,0	280,0	
1496	201496	101200205	Nguyễn Thanh Trường	20C1C	31/05/2002	140,0	130,0	270,0	
1497	201497	106180057	Nguyễn Văn Trường	18DT1	23/05/2000	90,0	130,0	220,0	
1498	201498	103190132	Phạm Đức Trường	19C4CLC3	03/04/2001	110,0	95,0	205,0	
1499	201499	118200175	Phạm Quang Trường	20QLCN1	09/01/2002	180,0	210,0	390,0	
1500	201500	101200467	Phan Bá Xuân Trường	20CKHK	16/12/2002	150,0	170,0	320,0	
1501	201501	111180064	Phan Đình Trường	18THXD	08/10/2000	115,0	140,0	255,0	
1502	201502	105190041	Võ Thanh Trường	19DCLC1	04/04/2001	75,0	40,0	115,0	
1503	201503	110180129	Đào Văn Trung	18X1B	14/09/2000	170,0	135,0	305,0	
1504	201504	101190130	Đinh Văn Trung	19C1B	12/06/2001	240,0	230,0	470,0	
1505	201505	110180062	Hồ Công Trung	18X1A	19/10/2000	170,0	250,0	420,0	
1506	201506	117200028	Hoàng Quốc Trung	20MT	26/08/2002	110,0	175,0	285,0	
1507	201507	109170107	Huyền Đức Trung	17X3	22/01/1999	245,0	250,0	495,0	
1508	201508	107190052	Lê Phú Quốc Trung	19H2CLC1	06/03/2001	140,0	145,0	285,0	
1509	201509	118180144	Lê Trọng Trung	18QLCN	01/10/2000	190,0	250,0	440,0	
1510	201510	102180232	Lê Việt Trung	18TCLC_DT	15/02/2000	210,0	290,0	500,0	
1511	201511	102190295	Lương Quốc Trung	19TCLC_DT	16/03/2001	210,0	195,0	405,0	
1512	201512	103200272	Ngô Việt Trung	20HTCN		135,0	170,0	305,0	
1513	201513	118200174	Nguyễn Quang Trung	20QLCN1	19/10/2002	145,0	160,0	305,0	
1514	201514	118190038	Nguyễn Quốc Trung	19KXCLC1	01/03/2001	220,0	200,0	420,0	
1515	201515	106190042	Nguyễn Thanh Đức Trung	19DTCLC1	22/05/2001	145,0	170,0	315,0	
1516	201516	105200112	Nguyễn Thành Trung	20D1	05/04/2002	105,0	145,0	250,0	
1517	201517	105200348	Nguyễn Thành Trung	20TDH2	29/06/2002	240,0	235,0	475,0	
1518	201518	106190182	Nguyễn Thành Trung	19DTCLC4	09/08/2001	105,0	200,0	305,0	
1519	201519	109180182	Nguyễn Thành Trung	18X3B	25/01/2000	110,0	175,0	285,0	
1520	201520	101180072	Nguyễn Văn Trung	18C1A	23/03/2000	150,0	90,0	240,0	
1521	201521	110180130	Nguyễn Văn Trung	18X1B	12/06/2000	150,0	95,0	245,0	
1522	201522	105200317	Nguyễn Văn Thành Trung	20TDH1	05/11/2002	145,0	155,0	300,0	
1523	201523	110180131	Trần Nguyễn Quang Trung	18X1B	02/02/2000	vắng	vắng	vắng	
1524	201524	117200029	Trần Văn Trung	20MT	05/10/2002	120,0	90,0	210,0	
1525	201525	117200058	Nguyễn Trần Công Trứ	20QLMT	01/01/2001	135,0	140,0	275,0	
1526	201526	110180061	Đỗ Văn Trục	18X1A	25/02/2000	120,0	140,0	260,0	
1527	201527	118180143	Nguyễn Minh Trục	18QLCN	18/04/2000	145,0	135,0	280,0	
1528	201528	118200079	Huyền Thị Cát Tường	20KX	19/07/2002	100,0	125,0	225,0	
1529	201529	111190041	Lâm Phi Tường	19THXD	01/01/2001	105,0	110,0	215,0	
1530	201530	103190134	Nguyễn Phan Anh Tường	19C4CLC3	22/09/2001	110,0	95,0	205,0	
1531	201531	117190034	Nguyễn Đình Tuấn	19QLMT	18/02/2001	210,0	195,0	405,0	
1532	201532	105190085	Bùi Trọng Tuấn	19DCLC2	28/01/2001	295,0	275,0	570,0	
1533	201533	106190043	Đào Danh Tuấn	19DTCLC1	17/12/2001	185,0	140,0	325,0	
1534	201534	103200273	Đinh Việt Tuấn	20HTCN		160,0	135,0	295,0	
1535	201535	103180124	Đổng Đức Tuấn	18C4B	17/02/1998	vắng	vắng	vắng	
1536	201536	105180221	Đoàn Quang Tuấn	18DCLC1	25/10/2000	135,0	145,0	280,0	
1537	201537	109200154	Đoàn Võ Anh Tuấn	20X3	01/01/2002	100,0	95,0	195,0	
1538	201538	105200149	Hồ Hoàng Tuấn	20D2	11/01/2002	115,0	100,0	215,0	
1539	201539	105190173	Hồng Quang Nhật Tuấn	19DCLC4	24/06/2001	120,0	160,0	280,0	
1540	201540	105190129	Hoàng Anh Tuấn	19DCLC3	14/01/2001	170,0	205,0	375,0	
1541	201541	111190040	Huyền Văn Tuấn	19THXD	20/08/2001	140,0	120,0	260,0	
1542	201542	106190137	Huyền Võ Thiên Tuấn	19DTCLC3	22/09/2001	180,0	185,0	365,0	
1543	201543	106190184	Lê Anh Tuấn	19DTCLC4	10/06/2001	115,0	125,0	240,0	
1544	201544	106200282	Lê Đình Tuấn	20KTMT2	05/10/2002	vắng	vắng	vắng	
1545	201545	107170282	Lê Minh Tuấn	17SH	20/05/1999	115,0	100,0	215,0	
1546	201547	118200178	Lê Thanh Tuấn	20QLCN1	28/02/2002	120,0	90,0	210,0	
1547	201548	103190215	Nguyễn Anh Tuấn	19HTCN	07/11/2001	125,0	110,0	235,0	
1548	201549	106180121	Nguyễn Anh Tuấn	18DT2	12/06/2000	170,0	140,0	310,0	
1549	201550	101190077	Nguyễn Cửu Tuấn	19CDTCLC4	11/06/2001	135,0	160,0	295,0	
1550	201551	105180393	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	18TDH2	11/03/2000	135,0	195,0	330,0	
1551	201552	101200468	Nguyễn Quốc Tuấn	20CKHK	29/04/2002	190,0	210,0	400,0	
1552	201553	117190035	Nguyễn Trọng Tuấn	19QLMT	10/03/2001	115,0	95,0	210,0	

1553	201554	105180118	Nguyễn Văn Tuấn	18D2	20/11/2000	vàng	vàng	vàng	
1554	201555	109190066	Nguyễn Văn Tuấn	19X3CLC	23/03/2000	vàng	vàng	vàng	
1555	201556	118200230	Nguyễn Văn Tuấn	20QLCN2	23/02/2002	100.0	110.0	210.0	
1556	201557	109180185	Nguyễn Văn Triệu Tuấn	18X3B	06/01/2000	120.0	155.0	275.0	
1557	201558	101190133	Phạm Anh Tuấn	19C1B	03/12/2000	110.0	90.0	200.0	
1558	201559	101200141	Phạm Anh Tuấn	20C1B	03/11/2002	115.0	170.0	285.0	
1559	201560	101190424	Tạ Thành Tuấn	19CDTCLC3	02/11/2001	85.0	155.0	240.0	
1560	201561	101200208	Trần Anh Tuấn	20C1C	28/02/2001	90.0	120.0	210.0	
1561	201562	103190133	Trần Công Tuấn	19C4CLC3	27/09/2001	135.0	155.0	290.0	
1562	201563	103170054	Trần Phước Tuấn	17C4A	14/06/1999	vàng	vàng	vàng	
1563	201564	101190197	Trần Văn Tuấn	19C1C	05/11/2001	150.0	115.0	265.0	
1564	201565	117200059	Trần Văn Tuấn	20QLMT	09/10/2002	160.0	220.0	380.0	
1565	201566	109190067	Trương Anh Tuấn	19X3CLC	14/11/2001	170.0	160.0	330.0	
1566	201567	101200253	Võ Anh Tuấn	20CDT1	16/08/2002	160.0	140.0	300.0	
1567	201568	109200156	Võ Anh Tuấn	20X3	02/09/2002	200.0	125.0	325.0	
1568	201569	107200306	Đặng Thị Minh Tuyền	20SH2	30/06/2002	155.0	135.0	290.0	
1569	201570	107200268	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	20SH1	18/10/2002	140.0	130.0	270.0	
1570	201571	107200307	Lê Thị Phương Tuyền	20SH2	13/06/2002	145.0	95.0	240.0	
1571	201572	107180192	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	18H2CLC2	23/02/2000	170.0	200.0	370.0	
1572	201573	107200079	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20H2	16/04/2002	140.0	180.0	320.0	
1573	201574	109190068	Dương Văn Tuyền	19X3CLC	12/10/2001	150.0	135.0	285.0	
1574	201575	103180061	Nguyễn Văn Tuyền	18C4A	12/01/2000	145.0	95.0	240.0	
1575	201576	118200179	Nguyễn Thị Kim Tuyền	20QLCN1	19/05/2002	125.0	155.0	280.0	
1576	201577	107200080	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	20H2	04/12/2002	170.0	145.0	315.0	
1577	201578	107180296	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	18KTHH2	14/09/2000	225.0	280.0	505.0	
1578	201579	105200150	Chu Trí Tùng	20D2	27/10/2002	200.0	255.0	455.0	
1579	201580	101200469	Đào Văn Tùng	20CKHK	07/01/2002	125.0	225.0	350.0	
1580	201581	107190053	Nguyễn Văn Tùng	19H2CLC1	10/02/2001	140.0	180.0	320.0	
1581	201582	105180395	Phan Thanh Tùng	18TDH2	20/03/1999	155.0	255.0	410.0	
1582	201583	102180150	Trần Huy Tùng	18TCLC_DT	13/10/2000	345.0	310.0	655.0	
1583	201584	118200078	Trần Văn Tùng	20KX	19/09/2002	185.0	90.0	275.0	
1584	201585	118200227	Nguyễn Lê Cẩm Tú	20QLCN2	10/12/2002	230.0	200.0	430.0	
1585	201586	118200176	Phạm Lê Mỹ Tú	20QLCN1	26/12/2002	165.0	185.0	350.0	
1586	201587	101200252	Phan Minh Tú	20CDT1	18/08/2002	170.0	210.0	380.0	
1587	201588	107200267	Phan Ngọc Tú	20SH1	27/04/2002	165.0	205.0	370.0	
1588	201589	107190187	Phan Thanh Tú	19KTHH1	27/01/2001	115.0	100.0	215.0	
1589	201590	105180266	Trần Nguyễn Tú	18DCLC2	31/01/2000	vàng	vàng	vàng	
1590	201591	105180180	Trần Đình Ty	18D3	12/05/1998	135.0	140.0	275.0	
1591	201592	101200209	Lê Văn Uy	20C1C	08/08/2002	95.0	75.0	170.0	
1592	201593	109180057	Lê Thị Uyên	18VLXD	12/05/1999	100.0	175.0	275.0	
1593	201594	107200269	Lê Thị Tô Uyên	20SH1	20/08/2002	145.0	145.0	290.0	
1594	201595	118190040	Nguyễn Thu Uyên	19KXCLC1	09/06/2001	165.0	230.0	395.0	
1595	201596	118200231	Trần Thị Thảo Uyên	20QLCN2	02/02/2002	180.0	135.0	315.0	
1596	201597	118200180	Võ Thị Thu Uyên	20QLCN1	21/10/2002	125.0	175.0	300.0	
1597	201598	101200075	Phạm Nhật Văn	20C1A	14/01/2002	140.0	140.0	280.0	
1598	201599	105180223	Phan Tấn Văn	18DCLC1	16/06/2000	100.0	120.0	220.0	
1599	201600	117200060	Vũ Văn	20QLMT	06/02/2002	135.0	130.0	265.0	
1600	201601	101190135	Nguyễn Tài Vang	19C1B	11/04/2001	110.0	90.0	200.0	
1601	201602	117200030	Hoàng Lê Thảo Văn	20MT	21/10/2002	195.0	300.0	495.0	
1602	201603	107200351	Nguyễn Thị Hoàng Văn	20KTHH2	15/04/2002	115.0	65.0	180.0	
1603	201604	118200080	Nguyễn Thị Thảo Văn	20KX	09/11/2002	100.0	160.0	260.0	
1604	201605	107190190	Hồ Tài Thị Vi	19KTHH1	24/03/2001	135.0	95.0	230.0	
1605	201606	107180246	Luong Hà Vi	18KTHH1	25/12/2000	110.0	110.0	220.0	
1606	201607	107190244	Luong Hà Vi	19KTHH2	15/06/2001	125.0	210.0	335.0	
1607	201608	107200081	Nguyễn Thị Hồng Vi	20H2	03/03/2002	75.0	120.0	195.0	
1608	201609	107200352	Trần Lê Phương Vi	20KTHH2	24/12/2002	135.0	125.0	260.0	
1609	201610	118190143	Đoàn Thị Mỹ Viên	19QLCN1	14/10/2001	160.0	70.0	230.0	
1610	201611	117180056	Hồ Thị Như Việt	18MT	13/04/2000	120.0	130.0	250.0	
1611	201612	118200181	Nguyễn Bà Viên	20QLCN1	17/02/2002	100.0	110.0	210.0	
1612	201613	110180064	Hoàng Quốc Việt	18X1A	29/08/2000	150.0	135.0	285.0	
1613	201614	101200470	Huỳnh Tiên Việt	20CKHK	12/12/2002	145.0	130.0	275.0	
1614	201615	101200143	Lê Văn Việt	20C1B	14/09/2002	225.0	170.0	395.0	
1615	201616	101200210	Nguyễn Bảo Việt	20C1C	25/10/2002	125.0	150.0	275.0	
1616	201617	105180397	Nguyễn Đình Việt	18TDH2	13/03/2000	165.0	155.0	320.0	
1617	201618	105190130	Nguyễn Hồ Việt	19DCLC3	25/12/2001	190.0	235.0	425.0	
1618	201619	105190224	Nguyễn Hoàng Việt	19TDHCLC1	02/03/2001	350.0	330.0	680.0	
1619	201620	101200298	Nguyễn Hữu Việt	20CDT2	10/03/2002	165.0	160.0	325.0	
1620	201621	105200481	Nguyễn Văn Việt	20TDHCLC3	09/11/2001	150.0	100.0	250.0	
1621	201622	109200157	Phan Nam Việt	20X3	06/10/2002	105.0	150.0	255.0	
1622	201623	105190324	Lê Công Vinh	19TDHCLC3	28/09/2001	140.0	90.0	230.0	
1623	201624	105180183	Nguyễn Đức Vinh	18D3	09/07/2000	120.0	140.0	260.0	
1624	201625	118200182	Trần Quang Vinh	20QLCN1	08/09/2002	160.0	155.0	315.0	
1625	201626	109200158	Vũ Quang Vinh	20X3	12/02/2002	185.0	180.0	365.0	
1626	201627	118190041	Đoàn Quốc Vương	19KXCLC1	13/03/2001	110.0	110.0	220.0	
1627	201628	110180133	Đoàn Thanh Tùng Vương	18X1B	07/01/2000	135.0	150.0	285.0	
1628	201629	105190088	Nguyễn Văn Vương	19DCLC2	20/11/2001	140.0	90.0	230.0	
1629	201630	105190132	Phạm Đình Vương	19DCLC3	14/06/2001	195.0	125.0	320.0	
1630	201631	103190046	Trần Quốc Vương	19C4CLC1	02/09/2001	135.0	115.0	250.0	
1631	201632	117190038	Hoàng Bà Vương	19QLMT	30/11/2001	85.0	125.0	210.0	
1632	201633	101200076	Bùi Vũ	20C1A	08/01/2002	160.0	95.0	255.0	
1633	201634	105190087	Hồ Thanh Triệu Vũ	19DCLC2	06/04/2000	170.0	115.0	285.0	
1634	201635	109180061	Hồ Tuấn Vũ	18VLXD	04/12/2000	85.0	140.0	225.0	
1635	201636	101200255	Lê Phước Long Vũ	20CDT1	25/04/2002	125.0	145.0	270.0	
1636	201637	107200309	Lê Trung Vũ	20SH2	03/10/2002	145.0	285.0	430.0	
1637	201638	105190225	Ngô Tiến Vũ	19TDHCLC1	08/10/2001	325.0	305.0	630.0	
1638	201639	106190047	Ngô Văn Vũ	19DTCCLC1	18/07/2001	160.0	140.0	300.0	
1639	201640	101190068	Nguyễn Thái Vũ	19C1A	10/01/2001	110.0	110.0	220.0	
1640	201641	105190175	Nguyễn Trần Hoàng Vũ	19DCLC4	01/01/2001	185.0	250.0	435.0	
1641	201642	102190299	Nguyễn Trọng Vũ	19TCLC_DT	20/02/2001	115.0	140.0	255.0	
1642	201643	101190069	Nguyễn Tuấn Vũ	19C1A	27/09/2001	105.0	145.0	250.0	
1643	201644	101200144	Trần Thanh Vũ	20C1B	21/06/2002	165.0	100.0	265.0	
1644	201645	103200277	Trần Tinh Vũ	20HTCN	13/02/2002	150.0	160.0	310.0	
1645	201646	109180190	Võ Minh Vũ	18X3B	18/09/1999	vàng	vàng	vàng	
1646	201647	107200083	Hồ Thị Nhật Vy	20H2	28/10/2002	135.0	170.0	305.0	
1647	201648	117200061	Lê Thị Thanh Vy	20QLMT	13/04/2002	145.0	135.0	280.0	
1648	201649	107190055	Nguyễn Thị Tường Vy	19H2CLC1	29/06/2001	115.0	100.0	215.0	
1649	201650	111200061	Phạm Thị Tường Vy	20THXD1	17/02/2002	135.0	175.0	310.0	
1650	201651	107190056	Trần Thị Tường Vy	19H2CLC1	29/11/2001	120.0	145.0	265.0	
1651	201652	118200084	Võ Thị Khánh Vy	20KX	11/08/2002	110.0	90.0	200.0	
1652	201653	107200231	Vũ Ngọc Tường Vy	20KTHH1	04/09/2002	115.0	60.0	175.0	
1653	201654	105190375	Nguyễn Duy Vy	19TDHCLC4	10/12/2001	90.0	140.0	230.0	
1654	201655	101200471	Nguyễn Hoàng Vy	20CKHK	02/06/2002	125.0	125.0	250.0	
1655	201656	106190141	Trần Duy Vy	19DTCLC3	31/08/2001	190.0	140.0	330.0	
1656	201657	107200354	Trần Ngọc Vy	20KTHH2	05/12/2002	145.0	170.0	315.0	

1657	201658	110180134	Vân Phú Vỹ	18X1B	23/02/2000	135,0	145,0	280,0	
1658	201659	101180278	Võ Đại Vỹ	18CDT2	06/01/2000	135,0	200,0	335,0	
1659	201660	118200235	Nguyễn Thị Yên	20QLCN2	28/05/2002	140,0	125,0	265,0	
1660	201661	118190064	Nguyễn Thị Bảo Yến	18KX	12/12/1999	120,0	130,0	250,0	
1661	201662	101190072	Dương Văn ý	19C1A	20/10/2001	140,0	130,0	270,0	
1662	201663	118200183	Võ Thị Ngọc ý	20QLCN1	17/06/2002	115,0	135,0	250,0	
1663	201664	101200128	Trần Hữu Thắng	20C1B		95,0	140,0	235,0	
1664	201665	118190045	Lê Minh Châu	19KXCLC2		155,0	100,0	255,0	
1665	201666	118190025	Nguyễn Thị Thảo Nhi	19KXCLC1		260,0	365,0	625,0	
1666	201667	118190026	Lê Hoàng Nhung	19KXCLC1		160,0	275,0	435,0	
1667	201668	107200031	Phan Lê Hoàng Giang	20H2		105,0	115,0	220,0	
1668	201669	110180087	Vũ Minh Hiểu	18X1B	11/20/2000	180,0	130,0	310,0	
1669	201670	103190146	Kiều Thanh Hiền	19C4CLC4	10/27/2000	110,0	110,0	220,0	
1670	201671	107180380	Hồ Minh Tú	18H5CLC		135,0	135,0	270,0	
1671	201672	103200041	Võ Hoài Bảo	20C4B		120,0	125,0	245,0	
1672	201673	101180135	Hồ Tấn Thái	18C1B		120,0	120,0	240,0	
1673	201674	102190158	Nguyễn Minh Đức	19TCLCDT4		155,0	185,0	340,0	

Ghi chú:	SL TS vi phạm quy chế thi	12/30/1899
	SL TS vắng thi tất cả các môn	3/15/1900

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Người quét bài Người kiểm dò Tổng hợp điểm Tr. Phòng PKT&ĐBCLGD

TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha

